PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thông tư số 28/2013/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2013 ban hành Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam; Danh mục vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam

DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM

Phụ lục 1
DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2013/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

C. DANH MỤC THUỐC, NGUYÊN LIỆU LÀM THUỐC THÚ Y ĐƯỢC NHẬP KHẨU

(Tiếp theo Công báo số 381 + 382)

PAKISTAN

1. Công ty Star Laboratories

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Alvenax-15% Drench	Albendazole	Chai, bình	100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Trị ký sinh trùng như: giun tròn, sán lá gan, giun phổi trên gia súc	SLP- 1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Almox-15% LA Injection	Amoxicillin	Chai, bình	20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu, tiêu hóa, viêm vú, nhiễm trùng da và mô mềm gây ra do vi khuẩn nhạy cảm với amoxicillin trên trâu, bò, dê cừu, lợn, chó, mèo	SLP-2
3	Ceriflox-10% Injection	Enrofloxacin	Chai, bình	20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh do *E.coli*, thương hàn, *Mycoplasma spp, pneumonia spp* trên trâu, bò, dê cừu, lợn, gia cầm	SLP-3
4	Gentalin-10 Injection	Gentamicin sulphate	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng gây ra do vi khuẩn nhạy cảm với Gentamycine như: nhiễm trùng đường tiết niệu, sinh dục, đường hô hấp, đường tiêu hóa, da và mô, tử cung trên trâu, bò, ngựa, bê nghé, dê, cừu, lợn, chó mèo và gia cầm	SLP-4
5	Oxyline-20% Powder	Oxytetracycline HCl	Gói, hộp, xô	100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị CRD, viêm xoang, viêm mũi, viêm phổi trên lợn, gia cầm	SLP-5
6	Trisolizin Injection	Sulphadiazine Trimethoprim	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị viêm phổi, viêm phế quản, Salmonellosis, colibacillosis, viêm tử cung, viêm bàng quang, viêm da trên trâu, bò, lợn và gia cầm	SLP-6
7	Trisolizin Oral suspension	Trimethoprim Sulphadiazine	Bình, chai	100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Trị viêm phổi, viêm phế quản, Salmonellosis, colibacillosis, viêm tử cung, viêm bàng quang, viêm da trên trâu, bò, lợn và gia cầm	SLP-7
8	Tylomac-20 Injection	Tylosin Tartrate	Chai, lọ	20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, kiết lỵ, viêm khớp, viêm vú, viêm nội mạc tử cung trên trâu, bò, dê cừu, lợn, chó mèo, gia cầm	SLP-8

2. Công ty Alina Combine Pharmaceuticals

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Amoxinal LA 15%	Amoxycillin	Chai	50; 100; 500ml	Trị viêm nhiễm đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	ACP-1
2	Colimox	Colistin sulphate, Amoxicillin trihydrate	Chai	50; 100; 500ml	Trị viêm phổi, tiêu chảy, viêm nội mạc tử cung, viêm vú, viêm ruột trên bê, nghé, heo	ACP-2
3	Colistin S	Colistin sulphate	Hũ	1kg	Trị viêm nhiễm đường tiêu hóa, hô hấp trên gia súc, gia cầm	ACP-3
4	Doctyl WS	Tylosin Tartrate Doxycycline HCl	Hũ	1kg	Trị viêm nhiễm đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	ACP-4
5	Diox WS	Diaveridine, Sulphaquinoxaline sodium, Vitamin A, K_3, C	Hũ	1kg	Trị cầu trùng manh tràng, cầu trùng ruột non trên gia cầm	ACP-5
6	Dixaline	Diaverdine, Sulphaquino-xaline sodium, Vitamin A, K_3	Hũ	1kg	Trị cầu trùng manh tràng, cầu trùng ruột non trên gia cầm	ACP-6
7	Dixaline Plus	Diaverdine, Sulphaquino-xaline sodium, Vitamin A, K_3	Hũ	1kg	Trị cầu trùng manh tràng, cầu trùng ruột non trên gia cầm	ACP-7

ITALY

1. Công ty Ascor Chimici S.R.L (ITALY)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Vitamina C 50% Coated line	Vitamin C	Gói, bao, thùng	100gr; 25kg	Bổ sung vitamin C	ACC-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2	Naquilene 500 WS	Flumequine	Gói, hộp	100gr; 500 gr; 1kg	Phòng, trị bệnh do vi khuẩn Gr(-) cho gia súc, gia cầm	ACC-2
3	Naquilene 100 WS	Flumequine	Gói, hộp	100gr; 500 gr, 1kg	Phòng, trị bệnh do vi khuẩn Gr(-) cho gia súc, gia cầm	ACC-3
4	Naquilene 200 l	Flumequine	Gói, hộp	100gr; 500, 1kg	Phòng, trị bệnh do vi khuẩn Gr(-) cho gia súc, gia cầm	ACC-4
5	Spectyl Inj	Lincomycine Spectinomycine	Lọ	100ml	Phòng các bệnh do E.coli gây ra và nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa ở gia súc	ACC-6

2. Công ty Gelilini international S.R.L

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Gardal 10%	Glycerol, Benzoic acid, Potassium sorbate	Bình	1; 1,25 lít	Điều trị bệnh giun tròn, sán dây, giun phổi, sán lá ở trâu, bò, cừu	GII-01
2	Cistrynol	(+) - Cloprostenol	Lọ	15ml	Điều trị rối loạn sinh sản do tồn thể vàng, kích thích động dục	GII-03
3	Engemycin Spray	Oxytetracycline	Bình	200ml	Điều trị vết thương ở trâu, bò, cừu và lợn do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline	GII-04
4	Finamast	Cefalexin benzathine, Cefalexin monohydrate	Syringe	5g	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Cefalexin ở vú bò	GII-05
5	Gentagil Fortius	Gentamicin sulphate	Chai	250; 500ml	Điều trị bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu,…	GII-06

3. Công ty Sintofarm S.P.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Colistin sulfate 10% (Colistina solfato 10%)	Colistin sulfate	Túi, bao	100; 500g; 1; 25kg	Điều trị các bệnh đường ruột ở gia súc, gia cầm	STFY-1

4. Công ty Chemifarm S.P.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Sulfametazina 20%	Sulphamethazine	Gói	1kg	Trị bệnh do vi khuẩn gây ra trên lợn	CSI-1
2	Colistina Solfato 12%	Colistin	Chai	1 lít	Trị bệnh đường ruột do vi khuẩn gây ra trên trâu, bò, lợn, gà, thỏ	CSI-2
3	Trimetoprim 40-Sulfadimetossina 200	Trimethoprim Sulfadimethoxine	Chai	1 lít	Trị bệnh đường hô hấp, tiết niệu do vi khuẩn gây ra trên gà thịt, gà tây, thỏ	CSI-3
4	Anprotiazolo 200	Formylsulphathiazole	Bao	25kg	Trị bệnh đường ruột do vi khuẩn gây ra trên lợn, thỏ.	CSI-4
5	Flumechina 50%	Flumequine	Chai	1 lít	Trị bệnh do trực khuẩn coli, thương hàn và THT	CSI-5
6	Tiam-Oxi Premix	Tiamulin Oxytetracycline	Bao	25kg	Trị bệnh do mycoplasma, viêm phổi - màng phổi, viêm ruột trên lợn	CSI-6

5. Công ty Industria Italiana Integratori Trei S.P.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Doxiphan Mix 100	Doxycycline hyclate	Bao	25kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, hội chứng MMA do vi khuẩn gây ra trên lợn	IIT-1

SINGAPORE

1. Công ty Diasham Resources PTE

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Nopstress with electrolytes	Vitamin A, D_3, E, B_6, B_{12}, K, C, Menadione sodium bisulfite	Gói, túi	100; 150g; 1kg	Bổ sung vitamin và chất điện giải	DSRS-01
2	Quadrex	Vitamin A, B_1, B_3, B_{12}, D_3, E, K, PP, Neomycin, Cu	Gói	100; 430g	Phòng và trị các bệnh nhiễm khuẩn, bổ sung vitamin, vi lượng	DSRS-02
3	Diacoxin 5%	Toltrazuril	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh cầu trùng trên lợn con	DSRS-03
4	Diacoxin 2.5%	Toltrazuril	Chai	250ml; 1 lít	Trị cầu trùng trên gia cầm	DSRS-4
5	Trimixin 480 Feed Grade	Trimethoprim, Sulfamethoxazole	Gói, thùng	1; 10kg	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp trên heo, gà, vịt	DSRS-5
6	Trimoxal Suspension	Trimethoprim, Sulfamethoxazole	Chai	100ml; 250ml	Trị viêm ruột do vi khuẩn hay nhiễm trùng hô hấp trên heo con	DSRS-6
7	Trimixin 480	Trimethoprim, Sulfamethoxazole	Gói	100g ; 500g	Trị bệnh hô hấp mãn tính phức hợp, CRD, THT, E.coli trên gia súc, gia cầm	DSRS-7

2. Công ty Zagro Singapore PTE

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Koccimycin 6%	Salinomycin	Gói, bao	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Phòng bệnh cầu trùng	ZEL-1
2	CSP 250 Plus	Sulfadimidine, Chlortetracillin	Gói, bao	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Điều trị bệnh thương hàn, bạch lỵ, nhiễm trùng máu, CRD, viêm phổi,…	ZEL-2

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
3	Sultrimix Plus	Trimethoprim	Gói, bao	50; 100; 180; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 25kg	Bệnh thương hàn, bạch lỵ, nhiễm trùng máu, CRD, viêm phổi, phế quản	ZEL-4
4	Anasol	Vitamin tổng hợp	Gói, bao	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Chống stress, cung cấp Vitamin, khoáng	ZEL-5
5	Nexymix	Neomycin, Oxytetracyclin	Gói, bao	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Bệnh thương hàn, bạch lỵ, nhiễm trùng máu, CRD, viêm phổi, phế quản	ZEL-6
6	Amilyte	Vitamin, điện giải	Gói, bao	50; 100; 180; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 25kg	Cung cấp Vitamin và các chất điện giải	ZEL-7
7	Tyloguard	Tylosin	Gói, thùng	50; 100; 180; 250; 500g; 1; 2; 5; 8; 25kg	Trị các bệnh đường hô hấp, hồng lỵ	ZEL-8
8	Eryguard 200	Erythomycin	Gói	100; 500g; 1; 8kg	Nhiễm trùng đường hô hấp, viêm phổi	ZEL-9
9	Agimycin 10%	Chlotetracyclin	Gói, bao	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp trên gia súc gia cầm	ZEL-10
10	Biotin 2 %	Vitamin H	Bao	1kg, 5kg	Cung cấp vita H, trị bệnh về lông, da	ZEL-15
11	Cholin Chloride	Cholin chloride	Bao	25kg	Cung cấp acid amin thiết yếu	ZEL-16
12	Vitamin E 50%	Vitamin E	Bao	1; 5; 20kg	Cung cấp vitamin E	ZEL-18
13	Tiazin 80% Coated	Tiamulin hydrogen fumarate	Gói, bao	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn gây ra trên heo, gà	ZEL-19
14	Tiazin	Tiamulin hydrogen furmarate	Gói, bao	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn gây ra ở heo và gà	ZEL-20

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
15	Zazacron	Azamethiphos	Gói, bao	50; 100; 200; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Thuốc diệt ruồi và gián	ZEL-21
16	Zazafly	Azamethiphos	Gói, bao	50; 100; 200; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Thuốc diệt ruồi và gián	ZEL-22
17	Amoxy-50	Amoxycillin trihydrate	Gói, bao	100; 500g; 1; 10; 25; 200kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp, tiết niệu trên bê, nghé, lợn, cừu, chó, gia cầm	ZEL-23
18	Anacox	Sulfachlozin	Chai	100; 500ml; 1; 5; 10 lít	Trị cầu trùng trên gia cầm	ZEL-24
19	Zadoxyl	Doxycycline hyclate	Gói, bao, thùng	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị bệnh hô hấp phức hợp, Coryza, tụ huyết trùng, E.coli trên gia cầm. Trị nhiễm trùng đường hô hấp, nhiễm khuẩn do Leptospira, E.coli, Pasteurella sp, Salma-nella sp trên lợn	ZEL-25

TÂY BAN NHA (SPAIN)

1. Công ty Cenavisa S.A Laboratorios

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Cenamicina 10 Plus	Enrofloxacine	Chai	50; 100; 250ml	Phòng, trị các bệnh đường ruột và hô hấp	CLS-1
2	Vitacen AD_3E Inj	Vitamin A, D_3, E	Chai	50; 100; 250; 500ml	Bổ sung Vitamin A, D_3, E	CLS-2
3	E-Flox Oral Solution	Enrofloxacine	Chai, bình	100; 250; 500ml; 1; 5; 25 lít	Phòng, trị các bệnh đường ruột và hô hấp	CLS-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4	Cenamicina Plus	Enrofloxacine	Chai	50; 100; 250ml	Phòng, trị bệnh đường ruột và hô hấp	CLS-5
5	Combecen Inj	Vit B_1, B_2, B_3, B_6, B_{12}	Chai	50; 100; 250; 500ml	Bổ sung Vitamin B, B_2, B_3, B_6, B_{12}	CLS-6
6	Amoxycen 200 LA	Amoxicillin trihydrate	Chai	50; 100; 250ml	Trị viêm nhiễm gây ra bởi vi khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, đường niệu, da và mô mềm	CLS-7
7	Oxycen 200 LA	Oxytetracycline	Chai	50; 100; 250ml	Trị viêm phổi, viêm dạ dày ruột, viêm vú, viêm đường tiết niệu, các bệnh về da và nhiễm trùng do phẫu thuật gây ra trên gia súc	CLS-8
8	Ivercen 10	Ivermectin	Chai	50; 100; 200; 250; 500ml	Phòng và trị giun tròn, giun cơ, giun bao, các loại giòi, chấy rận, ve, bọ chét, ghẻ trên gia súc	CLS-9
9	Ferrocen 20	Dextran Iron	Chai	50; 100; 250ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu ở động vật non do thiếu sắt	CLS-10
10	Masticen pomada	Ampicillin; Cloxacinlline	Tuýp	30; 100ml	Trị viêm vú trong quá trình khai thác sữa trên bò, cừu, dê	CLS-11
11	Floxicen	Enrofloxacin	Chai	1 lít, 5 lít	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin gây ra trên gia cầm	CLS-12
12	Trisol	Ampicillin trihydrate, Colistin sulphate	Bao, gói	100g; 1kg	Trị bệnh đường tiêu hóa trên bê, cừu, gia cầm	CLS-13

2. Công ty Laboratories Hipra S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Tyloprim Inj	Tylosin	Chai	100ml	Trị viêm phổi, khí phế quản	HP-2
2	Vermipra Inj	Levamisole	Lọ	50ml	Trị nội ký sinh trùng	HP-6
3	Pederipra Spray	Chotetramycine	Lọ	100; 200; 270ml		HP-8
4	Gentamox Inj	Amoxicillin, Gentamicin	Chai	100ml	Trị bệnh đường ruột, hô hấp	HP-10
5	Hiprasulfa-TS Inj	Sulphamethoxazole, Trimethoprim	Chai	100ml	Trị bệnh đường ruột	HP-11
6	Oxipra-10 Inj	Oxytetracyclin	Chai	100; 250ml	Trị bệnh đường ruột	HP-13
7	Hipralona Enro-1	Enrofloxacin	Chai	100ml	Trị tiêu chảy, CRD	HP-14
8	Hipravit - AD_3E Forte	Vitamin A, D_3, E	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Bổ sung vitamin A, D_3, E	HP-21
9	Hipravit - AD_3E	Vitamin A, D_3, E	Lọ, chai	100ml; 1 lít	Bổ sung vitamin A, D_3, E	HP-22
10	Hipravit - T	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_5, B_6	Lọ, chai	100ml; 1 lít	Bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm	HP-23
11	Hipralona Enro-S	Enrofloxacin	Lọ, chai	100ml; 1 lít; 5 lít	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột	HP-24
12	Federipra spray	Chlotetracyclin HCl	Chai	270ml	Trị nhiễm trùng móng, vết thương phẫu thuật, vết thương ở da	HP-29
13	Ferrohipra-200	Sắt (Fe)	Chai	100ml	Phòng, trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt	HP-30
14	Hipramox-P	Amoxicillin	Gói	100g; 1kg	Trị nhiễm trùng do Staphylococcus Spp. và E.coli trên gà, heo	HP-31
15	Eficur	Ceftiofur	Chai	50; 100; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo	HP-32

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
16	Hipradoxi-S	Doxycycline	Chai	1; 5l	Trị nhiễm trùng hô hấp trên heo, gà	HP-33
17	Selectan	Florfenicol	Chai	50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng hô hấp trên trâu, bò, heo	HP-34
18	Equilibrium	Vitamin A; D_3; E; B_6; B_5; L-threonine; D,L Methionine; L Lysin; L Valine; L-Histidine; L-Arginine; Isoleucine; Leucine; Phenylanine	Chai	100ml; 1; 5 lít	Trị bệnh do thiếu Vitamin	HP-46

3. Công ty S.P Veterinaria, S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Ampifur	Ampicillin	Gói, bao	100g; 1; 25kg	Điều trị bệnh đường ruột	SPV-1
2	Colimicia Complex	Tylosin, Colistin	Gói, bao	100g; 1; 25kg	Trị bệnh đường ruột, hô hấp	SPV-2
3	Eriprim	Tylosin, Sulfafurazol	Gói, bao	100g; 1; 25kg	Điều trị bệnh đường ruột, đường hô hấp	SPV-3
4	Hidro Rex Vital Aminoacidos	Vitamin A, D_3, E, C, K_3, B_1, B_2, B_6, B_{12}, Methionin, Lysin	Chai	250; 500ml; 1l	Cung cấp các vitamin và acid amin thiết yếu	SPV-5
5	Ironvex Inj	Iron detran	Chai	100ml	Cung cấp sắt	SPV-6
6	Quinolone-N20	Norfloxacin	Chai	100; 250ml	Điều trị bệnh đường ruột, đường hô hấp	SPV-7

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
7	Tetravex Plus Inj	Tetracyclin	Chai	100, 250ml	Điều trị bệnh đường hô hấp	SPV-8
8	Toscalm	Tylosin	Gói, bao	100g; 1; 25kg	Điều trị bệnh đường hô hấp	SPV-9
9	Toscalm Inj	Tylosin	Chai	20; 100ml	Điều trị bệnh đường hô hấp	SPV-10
10	Avicilina Super	Ampicillin	Gói, bao	100g; 1; 25kg	Điều trị bệnh đường ruột, đường hô hấp	SPV-11
11	Coccirex	Sulphaquinoxalin, Pyrimetharine	Chai	250; 500ml; 1l	Đặc trị bệnh cầu trùng ở gia cầm	SPV-12
12	Colmyc-E	Enrofloxacin	Chai	100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh đường ruột, hô hấp	SPV-13
13	Inectil Inj	Tylosin	Chai	20; 100; 250ml	Trị bệnh đường ruột, hô hấp	SPV-15
14	Antidiarex	Sulfadimidine, Tetracyclin	Chai	100; 200ml; 1l	Điều trị bệnh đường ruột	SPV-16
15	Mastivex-1	Cloxacillin, Framycetin	Syringe	10g	Điều trị bệnh viêm vú ở bò	SPV-18
16	Dimetricin Inj	Erythromycin	Chai	100ml	Trị bệnh đường ruột, hô hấp	SPV-19
17	Revefos Inj	Ethanol-B-aminophosphoric acid, Propionic acid	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Giúp phục hồi và chống suy nhược, gia tăng tiết sữa	SPV-22
18	Septibron TCD Inj	Tylosin, Tetracyclin	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh đường ruột, hô hấp	SPV-23
19	Colimutina Inj	Tiamulin, Colistin	Chai	10;20;50;100;250ml	Điều trị bệnh đường hô hấp	SPV-25
20	Comyc-E Inj	Enrofloxacin	Chai	100;250ml	Trị bệnh đường ruột, hô hấp	SPV-26
21	Rex vital Aminoacids	Vitamin A, B_5, C, K_3, PP, Methionin, Lysin	Gói, bao	100; 500g; 1; 25kg	Cung cấp các acid amin và các vitamin thiết yếu	SPV-27
22	Rex Vitamino	Vitamin A, B_5, C, K_3, PP, Methionin, Lysin	Gói, bao	100; 500g; 1; 25kg	Cung cấp các acid amin và các vitamin thiết yếu	SPV-32
23	Supper egg formula plus	Vitamin B_2, C, D_3, K_3, Oxytetracyclin	Gói, bao	100; 500g; 1; 25kg	Tăng năng suất trứng gia cầm	SPV-28

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
24	Ampi Coli SP	Ampicillin, Colistin	Gói, bao	100; 500g; 1; 25kg	Trị bệnh đường ruột, hô hấp	SPV-29
25	Ampi Coli fort SP	Ampicillin, Colistin	Gói, bao	100; 500g; 1; 25kg	Trị bệnh đường ruột, đường hô hấp	SPV-30
26	Vitaject AD_3E	Vitamin A, D_3, E	Chai	100; 250ml	Cung cấp vitamin A, D, E	SPV-31

4. Công ty Investigaciones Quimicas y Farmaceuticals

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Fluquin	Enrofloxacin, Potsasium hydroxide	Chai, thùng	20; 20; 25; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít; 2; 5; 10; 20; 25; 50; 100; 200 lít	Trị các bệnh nhiễm khuẩn đường ruột, tiêu chảy, viêm phổi	IQF-2

5. Công ty TAV Veterinaria S.L

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Tavet Enrofloxacina 10%	Enrofloxacin, Benzyl alcohol	Chai, can	100; 50ml; 1 lít; 5 lít	Điều trị các bệnh do E.coli, Samonella, Mycoplama, tụ huyết trùng ở gia cầm	TAV-01
2	Tavet Doxycyclina 10%	Doxycycline (hyclate), Acetyl salicylic axit, Bromhexine HCl	Lọ, chai, can	100ml; 1 lít; 5 lít	Điều trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline, Mycoplasma	TAV-02
3	Tavet Enrofloxacina 5%	Enrofloxacin	Chai	100ml	Trị viêm phổi, cuống phổi, do Mycoplama ở trâu, bò; bệnh do E.coli, Salmonella ở lợn; bệnh đường hô hấp, tiêu hóa ở chó	TAV-03

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4	Tavet Oxytetracyclina 200 L.A	Oxytetracycline	Chai	10; 50; 100; 250ml	Điều trị bệnh viêm phổi, viêm cuống phổi, viêm dạ dày, viêm tử cung, viêm vú	TAV-04
5	Amoxi - TAV 15% L.A	Amoxicillin	Chai	10; 50; 100; 250ml	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin	TAV-05
6	Tavet - Cefalecina + Gentamicina	Cephalexin monohydrate, Gentamicin sulfate	Chai	10; 50; 100; 250ml	Trị bệnh viêm vú, bệnh ở bò, cừu và dê do E.coli, Klebsiella, Pseudomonas, streptococcus, staphylococcus,...	TAV-06
7	Vit-Amino	Vitamin A, D_3, B_1, B_2, B_6, C, K_3, Methionine, Lysine, Tritropan	Hộp, bao	100g; 1kg; 5; 25kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin, axit amin cần thiết, phục hồi sức khỏe	TAV-07
8	Stress lyte plus	Vitamin A, B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, D_3, E, K_2, muối Ca, Fe, Mn, Cu, Mg	Hộp	1kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin và khoáng	TAV-09
9	Fostonic	Butaphosphan; vitamin B_{12}	Chai	100ml	Trị rối loạn phát triển và chuyển hóa trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo	TAV-10
10	Tavet hierro 10%	Fe; Coban; Vitamin B_{12}	Chai	10; 50; 100; 250ml	Trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt, tăng sức đề kháng trên lợn con, cừu con, bê con	TAV-11
11	Calci Plus	Ca; Zn; Mg; Mn; Cu	Chai	1; 5 lít	Bổ sung canxi	TAV-12

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
12	Energy Plus	Triglycerides, sắt	Chai	100ml	Tăng cường sức đề kháng ở gia súc non	TAV-13
13	Stress Forte	Vit A; D_3; E; B_1; B_2; B_6; B_{12}; K_3; C; folic; nicotinic; biotin; cholin; pantothetic; methionin, lysin; arginine; valin; leucin; isoleucin; threonin; phenylalanin; triptophan; histidine	Chai	100; 500ml; 1; 5 lít	Giảm stress; hỗ trợ điều trị bằng kháng sinh	TAV-14
14	Metiositol	Methionine, Carnitine, Choline, Mg, Sorbitol, Atiso	Chai	100ml; 1; 5 lít	Trị gan nhiễm mỡ, tăng cường chức năng gan và loại trừ các độc tố. Hỗ trợ quá trình hoặc sau khi điều trị kháng sinh lâu dài	TAV-15

6. Công ty Invesa International S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Ganadexil Enrofloxacina 5%	Enrofloxacin 5%	Chai	100; 250; 1000ml	Trị viêm phế quản	IIS-1
2	Ganadexil Enrofloxacina 10%	Enrofloxacin 10%	Chai	100; 250ml; 1000; 5000ml	Trị thương hàn	IIS-2

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
3	Hierrodexina	Vitamina B_{12}	Chai	100ml	Trị thiếu máu, bổ sung chất sắt	IIS-3
4	Levamisol 100	Levamisol HCl	Chai	250, 500, 1000ml	Trị bệnh hô hấp	IIS-4
5	Zinaprim Inj	Sulfametacina Trimetoprim	Chai	10; 40; 100; 250; 500; 1000ml	Trị đường ruột, nhiễm trùng máu	IIS-5
6	Vitamina AD_3E Inj	Vitamin A, D_3, E	Chai	10; 40; 100; 250; 500; 1000ml	Tăng sức đề kháng	IIS-8
7	Zinaprim (Oral Powder)	Sulfamethazine, Trimethoprim	Bao	100; 200g; 500g; 1kg; 5kg; 10kg	Trị viêm phổi, cầu trùng	IIS-9
8	Tilosina 200 Ganadexil Inj	Tylosin	Chai	10; 40; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị bệnh hô hấp	IIS-10
9	Multivit	Vitamina A, D, E, K, B_1, B_2, B_6, PP	Chai	50; 100; 250ml 500; 1000ml	Tăng sức đề kháng	IIS-11
10	Ganaminovit (Oral Powder)	Vitamin A, D_3, B_1, B_2, B_6, C, K_3 và khoáng chất	Bao	100; 200; 500g; 1kg; 5kg; 10kg	Trị suy dinh dưỡng, thiếu máu	IIS-12
11	Chicktonic (Oral Solution)	Vitamin A, D_3, B_1, B_2, B_6, B_{12}, K3, khoáng chất	Chai	10; 40; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Tăng sức đề kháng	IIS-13
12	Ampidona (Oral Soluble Powder)	Ampicillin trihydrate, Colistin sulphate	Gói	100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Phòng trị bệnh tiêu chảy ở lợn	IIS-14
13	Coloxyvit (Oral Powder)	Oxytetracyclin, Colistin, Riboflovin, Niacidamine, Vit A, D_3, K, E, B_{12}	Gói	100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Phòng trị bệnh tiêu chảy ở lợn	IIS-15

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
14	Invemox 15% LA	Amoxicilline (trihydrate), Butylated hydroxytoluen, Benzyl alcokol, A. monostearate	Chai	10; 50,100; 500ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicilline gây ra cho trâu, bò, cừu, heo, chó, mèo	IIS-16
15	Promectine	Ivemectine	Chai	10; 50,100; 500ml	Trị nội và ngoại ký sinh trùng cho trâu, bò, cừu và heo	IIS-17
16	Oxitetraciclina 200LA	Oxytetracyclin	Chai	10; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm dạ dày ruột, viêm vú, tử cung trên trâu, bò, heo, dê, cừu	IIS-18
17	Betamint	Betain, Vit C, Potassium chloride, Sodium chloride, Magne chloride hexahydrated, Calcium chloride dihydrated	Chai, can	100; 250; 500ml; 1; 5l	Chống triệu chứng stress do nhiệt trên lợn, gia cầm	IIS-19
18	Orondo Spay	Chlortetracycline	Bình	250ml	Trị nhiễm trùng bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Chlor-tetracycline gây ra	IIS-20
19	Penbex	Penicicline G procaine, Dihydrostreptomycine sulfate	Chai	10; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng do các vi khuẩn nhạy cảm với Penicicline và streptomycine	IIS-21
20	Energyn	Vitamin A, D_3, E	Chai	100; 250ml	Dùng cho heo con còi cọc, nhỏ khi mới sinh không thể bú sữa đầu do cạnh tranh trong bầy và lạnh	IIS-22

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
21	Hepavex 200	Sorbitol, Methionine, Choline Chloride, Magnesium sulfate L- Carnitine HCl	Chai	1; 5 lít	Trị gan nhiễm mỡ, tăng cường chức năng gan và loại trừ các độc tố. Hỗ trợ quá trình hoặc sau khi điều trị kháng sinh hoặc ký sinh trùng	IIS-23
22	Complejo B Invesa	Vitamin B_1, B_2, B_6, PP, B_{12}, chất chiết gan, Dexpantenol	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Phòng, trị thiếu hụt vitamin trên trâu, bò, lợn, dê, cừu. Chống stress	IIS-24
23	Doxinyl	Doxycycline hyclate	Chai	100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Trị viêm đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Doxy-cycline trên lợn, gia cầm	IIS-25
24	Espacox 5%	Toltrazuril	Chai	100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Phòng và trị cầu trùng trên heo, bê, nghé	IIS-28
25	Cadorex	Florfenicol	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp trâu, bò, lợn	IIS-29
26	Rhemox Premix	Amoxicillin	Bao	3; 24kg	Trị bệnh do vi khuẩn Strepto-coccus suis trên heo con sau cai sữa	IIS-30
27	Tiercal	Ceftiofur	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp trên heo; bệnh đường hô hấp, viêm kẽ móng hoại tử, viêm tử cung cấp tính trên trâu, bò	IIS-31
28	Doxyprex	Doxycycline hyclate	Túi, bao	1; 5; 20; 25kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên heo	IIS-32

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
29	Lincoxil 40%	Lincomycin (hydrochloride)	Gói	100g; 1kg	Trị bệnh lỵ trên lợn; trị viêm ruột trên gia cầm	IIS-33
30	Albendazol 10% Ganadexil	Albendazole	Chai	1; 5 lít	Phòng và trị giun, sán trên trâu, bò và gia cầm	IIS-34

7. Công ty Mevet, S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Enrovall	Enrofloxacin base	Chai Lọ	100ml 1000ml	Phòng và trị bệnh do Mycoplasma, tụ huyết trùng,… ở gia súc, gia cầm	MV-1

8. Công ty Laboratorios SYVA S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Mamifort	Ampicillin sodium, Cloxacillin sodium	Ống	10ml	Trị viêm vú ở trâu, bò, dê ,cừu	SYVAS-1
2	Syvaquinol 10% Oral	Enrofloxacin	Chai	100, 500, 1000ml; 5l	Điều trị bệnh do E.coli, Salmonella,…	SYVAS-2
3	Syvaquinol 100 Inje	Enrofloxacin	Chai	20, 50, 100, 250ml	Điều trị bệnh do E.coli, Salmonella,…	SYVAS-3
4	Colisin	Ampicillin trihydrate, Colistin sodium	Chai	10, 50, 100ml	Điều trị các bệnh gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin	SYVAS-4

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
5	Forticlina Retard	Oxytetracycline, Magnesium oxide, Polyviny-pirrolidone, 2- Oxypyrro-lidone, Sodium formaldehyde sulfoxylate	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị các nhiễm trùng do các vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline gây ra trên trâu, bò, cừu, dê, lợn	SYVAS-5
6	Amoxoil Retard	Amoxicillin trihydrate	Chai	10; 25; 50; 100; 250ml	Trị các nhiễm trùng do các vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin gây ra trên bò, cừu, lợn, chó, mèo	SYVAS-6
7	Dextrafer Complex	Dextran Fe, Gluconate Cu, Gluconate Cobalt, Vitamin B_{12}	Chai	10; 50; 100ml	Phòng và trị thiếu máu do thiếu sắt trên heo con, bê, nghé, cừu con, dê con	SYVAS-7
8	Flumesyva Liquid 20%	Flumequin	Chai	100; 500ml; 1; 5l	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequin gây ra trên bò, cừu, dê, heo, gia cầm	SYVAS-8
9	Vit-ADE	Vitamin A, D3, E	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh thiếu vitamin A, D, E trên trâu, bò, ngựa, heo, cừu, dê, chó, mèo	SYVAS-9
10	Mamifort Secado	Ampicillin trihydrate, Cloxacillin enzathine	Syringe	8g	Trị viêm vú do vi khuẩn trên bò sữa trong giai đoạn không tiết sữa	SYVAS-10

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
11	Neuxyn 5%	Flunixin	Chai	50; 100ml	Trị viêm kết hợp với bệnh đường hô hấp, viêm kết hợp với sự biến đổi của cơ xương, trị MMA trên trâu, bò, ngựa, heo	SYVAS-11

9. Công ty Laboratorios Calier, S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Cloxacum	Cloxacillin	Hộp	200 ống	Phòng và trị bệnh viêm vú cho bò sữa trong giai đoạn không cho sữa	CALIER-1
2	Cloxambiotic	Cloxacillin, Ampicillin	Hộp	200 ống	Phòng và trị bệnh viêm vú cho bò sữa trong giai đoạn không cho sữa	CALIER-2
3	Roxacin Oral Solution	Enrofloxacin	Chai	1 lít	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn Gram (-) và Gram (+) gây ra	CALIER-3
4	Roxacin Injectable	Enrofloxacin	Chai	100ml	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn Gram (-) và Gram (+) gây ra	CALIER-4
5	Vitamin Forte	Vitamin A, D_3, E	Chai	100ml	Phòng, trị các bệnh do thiếu vitamin	CALIER-5
6	Roborante Calier	Calcium phosphorylcholine chloride, Casein peptides, Vitamin B_{12}	Chai	100ml	Tăng cường biến dưỡng, hồi phục sau khi bệnh, khi sinh sản	CALIER-6
7	Septo-skin	Oxytetracycline, Patent Blue	Chai	200; 270ml	Chống nhiễm trùng ở vết thương	CALIER-7

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
8	Espes	Benzylpenicillin procain, Dihydrostreptomycin sulphate	Chai	100ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với penicillin và streptomycin gây ra	CALIER-8
9	Calcio Calier Fort	Calcium borogluconate, Megnesium chloride, Magnesium hypophosphite, Sodium methyl p-hydroxybenzoate	Chai	100; 250; 500ml	Phòng và trị bệnh do thiếu Calci và Phospho ở bò	CALIER-11
10	Ivertin	Ivermectin, Benzyl alcohol	Chai	50; 100; 250ml	Trị bệnh do giun tròn gây ra ở bò	CALIER-12
11	Complejo B-8 Injectable	Thiamin HCl, Riboflavin sodium phosphate, Pyridoxine HCl, Nicotinamide, D-panthenol, Cyanocobalamine, D-biotin	Chai	100; 250; 500ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin nhóm B, trị các triệu chứng thần kinh, bại liệt,…	CALIER-14
12	Ovo-Stark Complex	Vitamin A, D_3, E, C, Magnesium, Selenium, Cu, Fe, Zn, Mn, Ca, I, Co, Sodium carbonate monobasic	Bao	1; 25kg	Phòng, trị các bệnh do thiếu vitamin, khoáng, giúp cơ thể cân bằng điện giải, tăng cường sức đề kháng	CALIER-15
13	Caliermutin 10% premix	Tiamulin hydrogen fumarate	Túi, bao	100; 500g; 1; 5; 25kg	Trị ly, viêm phổi trên heo	CALIER-16
14	Niglumine	Flunixin	Lọ	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị viêm kết hợp với bệnh đường hô hấp, viêm kết hợp với sự biến đổi của cơ xương, trị MMA trên bò, ngựa, heo	CALIER-17

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
15	Zoobiotic 5% premix	Amoxicillin	Túi, bao	100; 500g; 1; 5; 25kg	Trị nhiễm trùng do Streptococcus suis gây ra trên heo sau cai sữa	CALIER-19
16	Zoobiotic	Amoxicillin	Lọ	50; 100ml	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên bò, dê, cừu, heo, chó, mèo	CALIER-21

10. Công ty S.H.IBerica S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Robenin 60	Robenidine HCl	Bao	25kg	Phòng ngừa bệnh cầu trùng trên thỏ và gà thịt	PHIS-1

11. Công ty Divasa Farmavic

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Enrovet 10%	Enrofloxacin	Chai	1; 5 lít	Trị nhiễm trùng do H.paragallinarum, Pasteurella, E.coli, Salmanella, Staphylococcus, Erysipelothrix rhusiopathiae trên gia cầm	Diva-1
2	Doxivet 10	Doxycycline (hyclate), Bromhexine	Chai	1; 5 lít	Trị CRD, viêm phổi, tiêu chảy trên bò, lợn, gia cầm	Diva-2
3	Nixyvet	Flunixin	Chai	50; 100ml	Kháng viêm trên bò, ngựa, heo	Diva-3
4	Suacron®	Carazolol	Chai	100ml	Trị rối loạn tăng trường, chuyển hóa, tuần hoàn do stress gây ra trên heo	Diva-4
5	Doxivet 20	Doxycycline (hyclate)	Chai	1; 5 lít	Trị bệnh do *E.coli*, CRD, *Mycoplasma*, *Pasteurella, Bordetella* trên heo, gà	Diva-5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6	Polivit B Complex	Vit B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, K_3, Nicotinamide, Ca	Chai	1 lít	Bổ sung vitamin vào khẩu phần ăn hàng ngày cho gia cầm, gia súc, heo, ngựa, cừu và dê	Diva-6
7	Polivit Aminocidos Liquido	Protein thực vật, Vit B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, K_3, Nicotinamide, Ca	Chai	1; 5 lít	Bổ sung vitamin và amino acid thiết yếu vào khẩu phần ăn hàng ngày cho gia cầm, gia súc, thỏ, heo, cừu và dê	Diva-7
8	Vigorol	Dầu dừa, dầu đậu nành, Vitamin A, D_3, E	Chai	250ml	Dùng cho heo con ốm yếu, có cân nặng dưới 1kg; heo con bị giảm đường huyết	Diva-8

12. Công ty Laboratorios Maymo

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Coliphur	Colistin (sulphate), Neomycin (sulphate)	Chai	100; 500ml; 1; 5 lít	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, Colibacillosis, Salmonellosis trên bê, nghé, dê non, cừu non, lợn, gia cầm	LMM-1
2	Quimiocoli	Enrofloxacin	Chai	100; 500ml; 1; 5 lít	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên bê, nghé, dê non, cừu non, lợn, gia cầm	LMM-2
3	Quinocilin	Ampicillin (trihydrate), Colistin (sulphate)	Chai	50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, da, mô mềm trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	LMM-3
4	B-Complex Inj	Vitamin B_1, B_2, B_6, B_{12}, Nicotinamide, Calcium Pantothenate	Chai	50; 100; 250 ml	Phòng và trị các rối loạn gây ra bởi thiếu hụt vitamin B, rối loạn tiêu hóa, thiếu máu	LMM-4

13. Công ty LaboratorioS Karizoo

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Maxyl	Amoxicillin trihydrate	Gói	400g; 1kg	Trị bệnh do Streptococcus suis trên lợn; Trị Pasteurellosis, Colibacillosis trên gia cầm	LKS-1

14. Công ty LABORATORIOS LAMONS S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	AD_3E-BCK Lamons	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, C, K_3, Niacin, Potassium sorbate, Glyceryl Polythylenglycol Ricinonletae	Chai	250; 500ml; 1; 5 lít	Chống stress, tăng sức đề kháng trên gia cầm	LLS-2
2	CA/MG/P Lamons	Bicanlcium phosphate; Magnesium oxide; Calcium carbonate	Gói	200; 500g; 1; 25kg	Bổ sung Canxi, Magie và phốt pho trên gia cầm	LLS-3
3	Vit-Esel lamons	Vitamin E, Sodium selenite, Potasium sorbate, Glycerilpolyethyleneglycol ricinoleate	Chai	250; 500ml; 1; 5 lít	Phòng ngừa thiếu hụt vitamin E và selen trên gia cầm	LLS-5
4	Vit-Amino lamons plus	Glucose, đạm thực vật, Vitamin A, D_3, E, K_3, B_1, B_2, B_3, B_5, B_6, B_{12}, Biotine, Inositol	Chai	250; 500ml; 1; 5 lít	Phòng ngừa thiếu hụt vitamin và amino acid trên gia cầm	LLS-6
5	Vitex Liquid	Vitamin C; Acid citric; Acid lactic; Glycerin; Sodium chloride	Chai	250; 500ml; 1; 5 lít	Chống stress, tăng sức đề kháng trên gia cầm	LLS-7

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6	Actybol Lamons	$MgCl_2$, Carnitine chloride, Artichoque extract, Rosmarinus extract, Thymus extract, Sorbitol, Propylenglycol, Ion chloride, Lactic acid, Sorbic aic	Chai	250; 500ml; 1; 5 lít	Cung cấp các thành phần có hoạt tính sinh học, tăng cường sự trao đổi chất trên gia cầm	LLS-8

15. Công ty Laboratorios Overjero

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Biosvita AD_3E Parenteral	Vitamin A, D_3, E	Chai	100ml	Trị bệnh do thiếu Vitamin A, D_3, E trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó, mèo	LOS-1
2	Overtin	Ivermectin	Chai	50; 500ml	Trị nội ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, dê, cừu	LOS-2

THAILAND

1. Công ty Ajinomoto

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	L-Lysine Monohydrochloride	L-Lysine Monohydrochloride	Bao	25kg	Bổ sung axit amin	AJN-1

2. Công ty BETTER PHARMA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Adek 126 Solution	Vitamin A, D_3, E, K, B_2, B_6, B_{12}, D-Pantothenate	Chai, bình	100; 500ml; 5 lít	Phòng thiếu Vitamin; tăng cường sức đề kháng; stress do sự thay đổi thời tiết đột ngột	BP-1
2	Adek 126 Powder	Vitamin A, D_3, E, K, B_2, B_6, B_{12}, Calcium, Nicotinic acid	Gói, thùng	20; 100g; 1; 15; 25kg	Phòng thiếu Vitamin; tăng cường sức đề kháng; stress do sự thay đổi thời tiết đột ngột	BP-2
3	Betafac-Egg	Vitamin A, D_3, E, K, B_2, B_6, B_{12}, Nicotinic acid, Cu,Fe, I, Mg, Zn, Co, Ca	Gói, bao	1; 10; 20; 30; 50lb	Giúp cân bằng các chất dinh dưỡng có trong thức ăn ở thời kỳ đẻ trứng, tăng năng suất trứng	BP-3
4	Bio + B_{12}	Erythromycin, vitamin B_{12}	Gói, bao	20g; 1/4lb; 1; 5; 50lb	Phòng và trị bệnh nhiễm khuẩn gây ra bởi Mycoplasma, vi khuẩn Gr(+) và Gr(-)	BP-5
5	Betamycin	Chlotetracyclin, vitamin A, B_{12}	Gói, bao	20g; 1/4lb; 1; 5; 50lb	Phòng ngừa và điều trị bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa, bệnh cúm và CRD	BP-6
6	Ditrim Oral suspension	Sulfadiazine, Trimethoprim	Chai	100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Trị E.Coli, Corynebacterium, phòng và trị các bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp và đường tiêu hóa trên heo và gia cầm	BP-7
7	Losin-S	Tylosin, Sulfamethazine	Gói	25; 100; 500g; 10; 20; 50lb	Phòng và trị bệnh nhiễm khuẩn đường ruột và đường hô hấp trên heo và gia cầm: tiêu chảy, E.coli, bệnh thương hàn; viêm phổi,…	BP-8

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
8	Sultrim	Trimethoprim, Sulfaquinoxaline	Gói, bao	10; 20; 100g; 1/4; 11b; 1; 2; 5; 10; 15; 20; 30; 50kg	Điều trị bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp và đường tiêu hóa: tiêu chảy do E.coli, bệnh thương hàn	BP-10
9	Vermisole 50	Oxibendazole	Gói, hộp	15; 30; 100; 800g; 1; 15kg	Điều trị các loài giun ký sinh trên heo, trâu, bò, dê, ngựa, cừu và gia cầm như: giun dạ dày, giun đũa, giun kim, giun kết hạt, tiêu diệt trứng và ấu trùng xâm nhập vào gan và phổi	BP-11
10	Biolyte	Sodium chloride, Postasium chloride	Gói, thùng	100; 1; 15; 25kg	Phòng trị mất nước và chất điện giải do bị bệnh tiêu chảy kéo dài, phòng chống stress do thời tiết thay đổi, do vận chuyển… hỗ trợ cho việc điều trị bệnh tiêu chảy	BP-12
11	Betafac 5A	Chlotetracycline, vitamin B_1, B_6, B_{12}	Gói, bao	1/2; 1; 20lb	Kích thích tăng trọng, tăng hiệu quả sử dụng thức ăn, tăng năng suất trứng trên gia cầm đẻ. Giảm stress do thay đổi đột ngột hay do vận chuyển	BP-13
12	Wormer-B	Piperazine citrate	Gói	10; 50; 1000g	Trị giun ký sinh trên gia cầm, heo và ngựa	BP-14
13	Sulfamet 12,5%	Sulfamethzine	Chai, bình	500ml; 4oz; 16oz; 1 gallon; 20 lít	Điều trị bệnh nhiễm khuẩn gây ra bởi vi khuẩn G^+ và G^- trên gia cầm	BP-15
14	Actmix Pig Grower	Vitamin, khoáng	Bao, gói	250; 500; 1; 5; 10; 20kg	Phòng và trị bệnh thiếu viatmin và khoáng chất cần thiết	BP-16
15	Actmix Pig Finisher	Vitamin, khoáng	Bao, gói	1; 5; 10; 20kg	Phòng và trị bệnh thiếu viatmin và khoáng chất cần thiết	BP-17

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
16	Actmix Layer	Vitamin, khoáng	Bao, gói	1; 5; 10; 20kg	Phòng, trị bệnh thiếu viatmin và khoáng chất cần thiết	BP-18
17	Betacod	Vitamin A, D_3	Bao, gói	1; 5; 10; 20; 50lb	Bổ sung Vitamin A và D_3, kích thích tăng trọng và phòng bệnh do thiếu Vitamin	BP-19
18	Oxta 50	Oxytetracycline	Bao, gói	1; 5; 25; 50kg	Kích thích tăng trọng cho heo, gà, vịt, cải thiện hiệu quả sử dụng thức ăn	BP-20
19	Beta 50	Chlotetracycline	Bao, gói	1; 5; 10; 20; 50lb; 1; 5kg	Phòng và trị bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa gây ra bởi vi khuẩn Gr(+) & Gr(-)	BP-21
20	Vermisole 150	Oxybendazole	Bao, gói	15; 30; 100; 800g; 1; 5kg	Diệt các loài giun ký sinh trên heo, trâu bò, cừu và gia cầm, các loài giun ký sinh trên heo, trâu, bò, dê, ngựa, cừu và gia cầm	BP-22
21	Besinor	Norfloxacine	Chai, bình	100; 250; 500ml; 1; 5 lít ; 1gallon	Phòng điều trị bệnh nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn Gr(+) và Gr(-), bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp gây ra bởi Mycoplasma (C.R.D), bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa do E.coli	BP-24
22	Farminth	Piperazine citrate	Gói	10; 30; 100g; 1lb	Diệt giun đũa và giun kết hạt	BP-25
23	Losin Soluble Powder	Tylosin tartrate	Hộp, bao	120g; 1,2kg; 12; 30; 60kg	Phòng và điều trị bệnh đường hô hấp do Mycoplasma gây ra, viêm phổi	BP-26
24	BP 920 Broiler	Vitamin, khoáng	Gói, bao	1; 5; 10; 20kg	Cung cấp vitamin và khoáng chất cho gà thịt	BP-28

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
25	Doxcine Water Soluble Powder	Doxycycline	Gói, bao	20; 100; 500g; 1kg; 15; 20kg	Phòng và trị nhiễm các vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline	BP-29
26	Mycofloxacine 100	Enrofloxacin	Chai, thùng	100; 500ml; 1 lít; 5; 20 lít	Phòng và trị các bệnh nhiễm khuẩn Gr(+), Gr(-) và Mycoplasma	BP-30
27	Betalin 10%	Tiamulin hydrogen	Gói, bao	10; 25; 50; 100; 500g; 1kg; 10; 15; 25kg	Trị bệnh CRD, dấu son, hồng lỵ, sưng phổi	BP-31
28	Cobactin 6%	Colistin	Gói, thùng	100g; 1; 10; 20kg 25kg	Trị các bệnh dạ dày, ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin gây ra	BP-32
29	Lincomed 10	Licomycin	Gói, bao	100; 500g; 1; 5; 15; 25kg	Phòng và trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên heo	BP-33
30	Fenbenzil	Fenbendazole	Gói, bao, thùng	25; 100; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị các loại giun ký sinh trên lợn	BP-35
31	Cobactin 40%	Colistin sulfate	Gói, bao, thùng	100; 500g; 1; 10; 15; 20; 25kg	Trị các bệnh ở dạ dày - ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin gây ra trên bò, lợn, gia cầm	BP-36
32	Tenamoxcin 500	Amoxicillin trihydrate	Gói, túi	1; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin gây ra trên lợn	BP-37
33	Tilmicin 20%	Tilmicosin	Bao	10kg	Trị bệnh hô hấp trên lợn	BP-38
34	Tilmicin solution 25%	Tilmicosin	Chai	240ml	Trị bệnh đường hô hấp trên bê, lợn, gà	BP-40

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
35	Artxy 500	Amoxicillin trihydrate	Bao	1; 10; 20kg	Trị bệnh viêm màng phổi trên lợn	BP-41
36	Comoxy 500 WSP	Amoxicillin trihydrate, Colistin	Bao	100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa trên heo, gà	BP-42

3. Công ty Thai Meiji Pharmacetical Co., LTD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Colimeiji 10%	Colistin sulphate	Bao	20kg	Điều trị các bệnh tiêu chảy ở heo	MJT-3
2	Colimeiji 2%	Colistin sulphate	Bao	20kg	Điều trị các bệnh tiêu chảy ở heo	MJT-4
3	Colimeiji 400	Colistin sulphate	Thùng	150, 300, 450 Bou	Điều trị các bệnh tiêu chảy ở heo	MJT-5
4	Kanamycin Inj Meiji 250	Kanamycin Sulfate	Lọ	20, 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, viêm ruột, viêm vú trên bò, ngựa, lợn, chó mèo, gia cầm	MJT-6
5	Meikamycin Inj	Kanamycin Sulfate	Lọ	20, 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường ruột, tiêu chảy, viêm vú trên bò, ngựa, lợn, chó mèo, gia cầm	MJT-7
6	Gentamicin Inj Meiji 40	Gentamicin sulfate	Lọ	100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, nhiễm trùng máu, dạ dày trên ngựa, bò, dê, cừu, lợn, chó mèo, gia cầm	MJT-8
7	Gentamicin Inj Meiji 80	Gentamicin sulfate	Lọ	100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, nhiễm trùng máu, dạ dày trên ngựa, bò, dê, cừu, lợn, chó mèo, gia cầm	MJT-9

4. Công ty Thai P.D Chemicals

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Octacin-En 1% (Oral)	Enrofloxacin	Lọ	100ml	Trị các bệnh do vi khuẩn Gram (-) và Gram (+) gây ra	THAI-1
2	Octacin-En 10% (Oral)	Enrofloxacin	Lọ	100ml; 1 lít	Trị các bệnh do vi khuẩn Gram (-) và Gram (+) gây ra	THAI-3
3	Proguard 1% (Oral)	Enrofloxacin	Lọ	100ml	Trị các bệnh do vi khuẩn Gram (-) và Gram (+) gây ra	THAI-4
4	Proguard 10% (Oral)	Enrofloxacin	Lọ	100ml; 1 lít	Trị các bệnh do vi khuẩn Gram (-) và Gram (+) gây ra	THAI-6
5	Kana Solution	Kanamycin sulfate	Lọ	100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Kanamycin gây ra trên trâu, bò, lợn	THAI-7

5. Công ty Interthai Pharmaceutical Manufacturing

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Octacin-En 5% Inj	Enrofloxacin	Lọ	20; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn Gram (-) và Gram (+) gây ra	THAI-2
2	Proguard 5% Inj	Enrofloxacin	Lọ	20; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn Gram (-) và Gram (+) gây ra	THAI-5

6. Công ty Macrophar

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Octamix A.C.	Colistin, Amoxicillin	Gói	100; 500g	Phòng, trị bệnh do vi khuẩn Gr(-) và Gr(+) gây ra	MCP-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Curazole	Levamizole, Silicon dioxide, Vanillin	Túi	7,5; 100; 500g	Trị giun tròn và giun phổi đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, lợn dê, cừu, gia cầm	MCP-2
3	Vet-Moxcol	Colistin sulfate, Amoxicillin trihydrate	Bao	100; 200; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm	MCP-3
4	Amoxilis	Colistin sulfate, Amoxicillin trihydrate	Bao	100; 200; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm	MCP-4
5	Surmox-Col forte	Colistin sulfate, Amoxicillin trihydrate	Bao	100; 200; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm, heo	MCP-5
6	Timulin	Tiamulin hydrogen fumarate	Bao, gói	50; 100g; 1; 10; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Tiamulin gây ra trên lợn, gia cầm	MCP-6
7	Mac-coli 40%	Colistin sulfate	Bao, gói	50; 100g 1; 10; 25kg	Trị bệnh đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin gây ra trên trâu, bò, lợn, gia cầm	MCP-7
8	Bactamox 50%	Amoxicillin trihydrate	Bao, gói	50; 100g 1; 10; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin trên trâu, bò, lợn, gia cầm	MCP-8
9	Amoxicillin 80%	Amoxicillin Trihydrate	Gói	100; 200g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin trên lợn, gà	MCP-9

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
10	Timulin	Tiamulin hydrogen fumarate	Bao, gói	50; 100g; 1; 10; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Tiamulin gây ra trên lợn, gia cầm	MCP-6
11	Macro-Mox forte	Amoxicillin trihydrate, Colistin sulfate	Túi, hộp	100; 500g; 1; 2; 2,5; 5; 10; 15; 20kg	Trị bệnh đường hô hấp, viêm dạ dày ruột trên lợn, gia cầm	MCP-10
12	Mac- Colmox	Amoxicillin trihydrate, Colistin sulfate	Túi, hộp	100; 500g; 1; 2; 2,5; 5; 10; 15; 20kg	Trị bệnh đường hô hấp, viêm dạ dày ruột trên lợn, gia cầm	MCP-11
13	Zuzil 2.5%	Toltrazuril	Chai	50; 100; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20 lít	Trị cầu trùng trên gà	MCP-12
14	Octamix Amox 200	Amoxicillin Trihydrate	Túi	100; 500g	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa do vi khuẩn E.coli nhạy cảm với Amoxicillin gây ra trên lợn con, bê	MCP-13

7. Công ty Olic

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Panacur Powder 25%	Fenbendazole	Thùng	10kg	Trị các loại giun tròn, giun phổi, giun dẹp, sán dây	OLIC-01

8. Công ty Polipharm

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Enro-100	Enrofloxacin	Lọ	100ml	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn Gr(+) gây ra	PLPT-01

9. Công ty T.P. Drug laboratories

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Gentamicin Sulphate Inj	Gentamicin sulphate	Chai	10; 50; 100; 250ml	Trị viêm phế quản, viêm túi khí, đặc biệt là bệnh nhiễm khuẩn E.coli CRD; viêm ruột, phân trắng ở gà	TPDT-1
2	Gentamicin Sulphate	Gentamicin sulphate	Chai	20; 50; 100ml	Trị các bệnh do các vi khuẩn G^+ và G^- như: E.coli, Klebsiella, Proteus, Salmonella, Shigella gây ra	TPDT-2
3	Lovasol	Levamisole	Chai	20; 50; 100ml	Thuốc tẩy giun tròn, giun phổi, giun dạ dày, giun kim, giun kết hạt và giun đũa ở heo, bò, trâu, dê, cừu và chó; giun thận ở heo; giun tim ở chó	TPDT-3
4	Ferron	Iron (Fe^{3+})	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu khoáng chất sắt ở heo con, trâu bò con và các loài vật nuôi khác	TPDT-4
5	Nigen	Gentamicin	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Gentamicin gây ra trên trâu, bò, lợn	TPDT-5
6	Gentanic 40	Gentamicin	Chai	10; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiết niệu, tiêu hóa, nhiễm trùng da, vết thương trên trâu, bò, lợn	TPDT-6
7	Ceftionic	Ceftiofur	Chai	20; 80ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	TPDT-7

10. Công ty Wellab International

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Corysol-200	Erythromycin, Chlotetracyclin	Gói	100g	Điều trị các bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hóa ở gà, lợn	WELL-1
2	Methozine 480	Sulphadizine, Trimethoprim	Gói	100g	Điều trị các bệnh đường hô hấp; bệnh do Salmonella; haemophilus gây ra	WELL-2
3	Bioquin	Trimethoprim Suphaquinoxaline	Gói	100g	Điều trị các bệnh THT, E.coli,…	WELL-3

11. Công ty Bangkok Lab And Cosmetic Co, LTD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Toltraril 2,5%	Toltrazuril, Diethanolamine	Chai	100ml; 1l	Phòng và trị bệnh cầu trùng trên gà, vịt, ngỗng	BAC-1
2	Wormecide oral suspension	Albendazole, Magnesium aluminium sillicate, Carboxymethylcellulose sodium	Chai	200ml; 1l	Tẩy giun, sán trên bò, dê, lợn	BAC-2
3	Toltraril-S 5%	Toltrazuril	Chai	100ml; 1l	Phòng và trị bệnh cầu trùng trên heo con	BAC-3
4	Octa-Sulprim	Trimethoprim, Sulphadiazine	Chai	200ml	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn gây ra	OMT-01
5	Kisa S.P	Kitasamycin tatrate	Chai	1; 5kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Kitasamycin gây ra trên lợn, gia cầm	BAC-4

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6	Octasal 10%	Butaphosphan; Vitamin B_{12}	Chai	10; 20; 50; 100ml; 11	Trị rối loạn sinh trưởng, rối loạn chuyển hóa trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm	BAC-5

12. Công ty Thai Progress Feed

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Octamix Mineral Compound	Sodium, Magnesium, Potassium, Zinc, Panthenic acid, Nicotinic acid	Gói	100; 500g	Bổ sung các chất điện giải	TPF-01
2	Octamix Vitamin Compound	Vitamin A, C, D, E, K, B_1, B_2, B_6, B_{12}, Nicotinic acid, Folic acid	Gói	100; 500g	Bổ sung vitamin	TPF-02

13. Công ty Thainaoka Pharmaceutical Ltd

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Naodex-100	Iron (Iron III Dextran)	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Phòng và trị thiếu máu do thiếu sắt ở heo	BTP-1
2	Tionaolin 200	Tiamulin hydrogen fumarate	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn ở lợn	BTP-2
3	Ampitin	Ampicillin trihydrate	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu - sinh dục và nhiễm trùng huyết do vi sinh vật mẫn cảm với ampicillin trên trâu, bò, heo, dê, cừu, ngựa	BTP-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
4	Hitagen	Gentamicin sulfate	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị bệnh đường tiêu hóa ở trâu, bò, heo, chó và mèo	BTP-4
5	Novalcin	Dipyrone	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Giảm đau trên trâu, bò, lợn, ngựa	BTP-5
6	Kanaject	Kanamycin	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị viêm dạ dày ruột, tiêu chảy, viêm phổi, viêm khí quản, trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó, mèo	BTP-6
7	Mycocin 100	Enrofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị tiêu chảy, viêm ruột, viêm teo mũi và nhiễm trùng đường hô hấp ở trâu, bò và heo	BTP-7
8	Hitamox LA	Amoxycillin trihydrate	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu - sinh dục ở heo, trâu, bò, cừu	BTP-8
9	Idectin	Ivermectin	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Phòng và trị nội, ngoại ký sinh trùng ở heo, trâu, bò, cừu, ngựa	BTP-9
10	Lincoject	Lincomycin	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin gây ra trên bê, nghé, cừu, heo	BTP-10
11	Linfamix	Lincomycin HCl	Túi, bao	100; 200; 500g; 1; 2; 3; 5; 10; 20; 25kg	Trị suyễn, lỵ trên lợn	BTP-11
12	Nao-Spectin premix	Lincomycin HCl Spectinomycin HCl	Túi, bao	100; 200; 500g; 1; 2; 3; 5; 10; 20; 25kg	Trị lỵ, bệnh đường ruột trên lợn	BTP-12
13	Colimed	Colistin sulfate	Túi, bao	100; 500g; 1; 2; 3; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột trên lợn, gà, vịt	BTP-13

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
14	Tiam premix	Tiamulin Hydrogen Fumarate	Túi, bao	100; 200; 500g; 1; 2; 3; 5; 10; 20; 25kg	Trị viêm phổi, lỵ do trên lợn	BTP-14
15	Co-Linospec	Lincomycin HCl Spectinomycin HCl	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị viêm phổi, lỵ, viêm ruột, viêm khớp trên trâu, bò, lợn, gia cầm, chó, mèo	BTP-15
16	Devectin premix	Ivermectin	Túi, bao	100; 200; 500g; 1; 2; 3; 5; 10; 20; 25kg	Phòng và trị nội, ngoại ký sinh trùng trên heo	BTP-16
17	Naomox LA	Amoxycillin trihydrate	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu - sinh dục trên trâu, bò, heo, cừu	BTP-17
18	Amlistin	Amoxycillin trihydrate, Colistin sulfate	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu - sinh dục, viêm vú trên trâu, bò, heo	BTP-18
19	Naocline LA	Oxytetracycline	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline gây ra trên trâu, bò, heo	BTP-19
20	Naospectin	Lincomycin, Spectinomycin	Túi, hộp	100; 200; 500g; 1; 2; 3; 5; 10; 20; 25kg	Trị viêm ruột trên lợn; CRD, nhiễm trùng trên gia cầm	BTP-20
21	Naomix - 500 SP	Neomycin sulfate	Túi, hộp, bao	50; 100; 150; 200; 250; 500g; 1; 2; 3; 5; 10kg	Trị bệnh đường tiêu hóa trên gia súc, gia cầm	BTP-21
22	Tiamulin 450 W/S	Tiamulin hydrogen fumarate	Túi, hộp, bao	50; 100; 150; 200; 250; 500g; 1; 2; 3; 5; 10kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên gia súc	BTP-22

14. Công ty Animal Supplements

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Resplex	Tilmicosin phosphate	Túi, bao	100; 200g; 1; 2; 10; 20; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Tilmicosin trên heo	ASC-1
2	Aslincocin	Lincomycin HCl	Túi, bao	100; 200g; 1; 2; 10; 20; 25kg	Trị viêm phổi, lỵ do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin trên heo	ASC-2
3	Astimulin	Tiamulin Hydrogen Fumarate	Túi, bao	100; 200g; 1; 2; 10; 20; 25kg	Trị viêm phổi, hồng lỵ do vi khuẩn nhạy cảm với Tiamulin trên heo	ASC-3
4	Ascotil	Tilmicosin phosphate	Túi, bao	100; 200g; 1; 2;10; 20; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Tilmicosin trên heo	ASC-4
5	Aslinmycin	Lincomycin HCl	Túi, bao	100; 200g; 1; 2; 10; 20; 25kg	Trị viêm phổi, lỵ do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin gây ra trên heo	ASC-5
6	Resmulin	Tiamulin hydrogen fumarate	Túi, bao	100; 200g; 1; 2; 10; 20; 25kg	Trị viêm phổi, hồng lỵ do vi khuẩn nhạy cảm với Tiamulin gây ra trên heo	ASC-6
7	Asfadizine	Sulfadiazine, Trimethoprim	Túi, bao	100; 200g; 1; 2; 10; 20; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp, viêm ruột trên heo, gia cầm	ASC-7

15. Công ty General Drugs House

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Dizine	Sulfadiazine, Trimethoprim	Chai	100; 200ml; 1L	Trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadiazine và Trimethoprim	GDH-1
2	Quino-100	Enrofloxacin	Chai	100ml và 1L	Trị các bệnh do vi khuẩn Gram âm, Gram dương và Mycoplasma gây ra	GDH-2

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
3	Quinnex	Sulfaquinoxaline, Trimethoprim	Túi	100; 500g	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadiazine và Trimethoprim gây ra	GDH-3
4	Amcolin-P	Amoxycillin trihydrate, Colistin sulfate	Túi	100, 500 gam	Trị nhiễm khuẩn gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycillin, Colistin trên bê, nghé, lợn, gia cầm	GDH-4
5	Moxcolis	Amoxicillin, Colistin sulfate	Gói, bao	100; 500; 1; 5kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày ruột, đường hô hấp, tiết niệu trên bê, nghé, lợn, gia cầm	GDH-5
6	Doxycline 150 soluble	Doxycycline HCl	Gói, bao	20; 50; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gram(+), Gram(-) trên trên lợn, gia cầm, chó, mèo	GDH-6
7	Gendazel Vet Suspension	Albendazol	Chai	30; 60; 100; 120; 200; 240ml; 1 lít	Trị giun, sán trên trâu, bò, dê, cừu	GDH-7

16. Công ty NutriChems

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Enrotyl-100	Enrofloxacin	Chai	200; 250; 500ml; 1 lít; 1,5 lít	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin trên gia cầm	NCT-3
2	Mybaflox	Enrofloxacin	Chai	200 ; 250 ; 500ml; 1; 1,5 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin gây ra trên gia cầm	NCT-4
3	Doxycin	Doxycycline hyclate	Bao, gói, xô	50; 100 g 1; 10; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline trên bò, lợn, gia cầm	NCT-5
4	Colistin-SP 100	Colistin sulfate	Gói, bao, xô	50; 100; 200g; 1; 10; 15; 25kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với colistin gây ra trên lợn, gia cầm	NCT-6

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
5	Biodoxy-150	Doxycycline Hyclate	Gói, hộp	50, 100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên gia cầm, heo	NCT-7
6	Greenro 0.5% oral pump	Enrofloxacin	Chai	100ml, 200ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên heo con	NCT-8
7	Nulistin-P100	Colistin sulfate	Gói, hộp	50, 100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa trên lợn, gia cầm	NCT-9
8	Nulistin-P400	Colistin sulfate	Gói, hộp	50, 100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa trên lợn, gia cầm	NCT-10
9	Tylosol	Tylosin tatrate	Gói, hộp	50, 100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25kg	Trị viêm đường hô hấp do Mycoplasma gây ra trên lợn, gia cầm	NCT-11

17. Công ty Nova Medicine

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Mutalin 10% premix	Tiamulin	Bao	1; 5; 10kg	Trị hồng lỵ và hô hấp trên lợn	NMC-1
2	Mutalin 20% Injection	Tiamulin	Lọ	100; 250ml	Trị bệnh đường ruột, viêm khớp và hô hấp trên lợn	NMC-2
3	Novamoxine 500F	Amoxicillin trihydrate	Bao	100; 250; 500g; 1; 5kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin trên lợn, gà	NMC-3
4	Novafos	Butafosfan, Vitamin B_2	Lọ	100ml; 250ml	Cung cấp vitamin, P hữu cơ	NMC-4

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
5	Lincospecs	Lincomycin, Spectinomycin	Lọ	100ml; 250ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin, Spectinomycin trên bê, nghé, lợn	NMC-5
6	Novamoxine 20%	Amoxicillin trihydrate	Chai	100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin gây ra trên trâu, bò, lợn	NMC-6
7	Novamoxine 15%	Amoxicillin trihydrate	Chai	100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin gây ra trên trâu, bò, lợn, chó, mèo	NMC-7
8	Ivermectin 1%	Ivermectin	Chai	100; 250ml	Trị bệnh do ký sinh trùng gây ra trên bò, lợn	NMC-8
9	Tonamic	Tolfenamic acid	Chai	100; 250ml	Kháng viêm, giảm đau, giảm sốt. Hỗ trợ trong điều trị viêm vú cấp tính, Metritis	NMC-9
10	Novapenstrep	Penicilline, Streptomycine	Chai	100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Pencilline, Streptomycine trên bê, bò, dê, cừu, lợn	NMC-10
11	Novamoxine 800	Amoxicilline trihydrate	Túi	500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên lợn	NMC-11
12	Novacolistin WS	Amocicillin trihydrate, Colistin sulphate	Túi	100, 250, 500g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Amocicillin và Colistin trên trâu, bò, dê, lợn, gia cầm	NMC-12
13	Novadoxy	Doxycycline Hyclate	Bao, gói	100g; 200g; 500g; 1kg; 2kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline gây ra trên lợn, gia cầm	NMC-13

18. Công ty L.B.S Laboratory Ltd., Part

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Enrocin 10% Solution	Enrofloxacin	Chai	50; 100; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20 lít	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp, tiết niệu trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm	LBS-2
2	Enrocin 20% Solution	Enrofloxacin	Chai	50; 100; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20 lít	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp, tiết niệu trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm	LBS-3
3	Bezter Enro 50	Enrofloxacin	Chai	50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu, vết thương trên gia súc, gia cầm	LBS-4
4	Bezter Genta 100	Gentamicin sulfate	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu, sinh dục, vết thương, máu, viêm khớp trên gia súc, gia cầm	LBS-5
5	Bezter Imectin	Ivermectin	Ống, chai	1ml; 10ml, 25ml, 50ml, 100ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên gia súc, chó	LBS-6
6	Bezter Linco 300	Lincomycin HCl	Chai	50; 100ml	Trị suyễn, lỵ, đóng dấu, viêm khớp trên heo; trị viêm đường hô hấp, nhiễm trùng vết thương, viêm da trên chó, mèo	LBS-7
7	Bezter Ceftiofur	Ceftiofur sodium	Chai	100 ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, ngựa, lợn	LBS-9
8	Bezter Imectin C Plus	Ivermectin, Clorsulon	Chai	10; 25; 50; 100ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, lợn	LBS-10

19. Công ty Pharmatech

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Ozuril-5	Toltrazuril	Chai	20; 50; 100; 200; 500ml; 1; 2; 3l	Phòng và trị cầu trùng trên heo con	PHT-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2	Coliphar 10%	Colistin	Gói, hộp	100g; 500g; 1kg	Trị bệnh đường tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gà	PHT-2
3	Pharmatil-20	Tilmicosin	Gói, hộp	100g; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp trên lợn, gia cầm	PHT-3
4	Enfloxcin solution 10%	Enrofloxacine	Chai	100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	PHT-4
5	Enfloxcin solution 20%	Enrofloxacine	Chai	100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	PHT-5
6	Dynalin-10	Tiamulin hydrogen fumarate	Gói, bao, thùng	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị ly, viêm phổi trên lợn; trị CRD trên gia cầm	PHT-6
7	Naticolin 40%	Colistin sulphate	Gói, bao, thùng	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm	PHT-7
8	Oxylyne 20	Oxytetracycline HCl	Gói, bao, thùng	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị viêm màng kết trên bê; viêm teo mũi và hội chứng MMA trên lợn; tụ huyết trùng và bệnh hô hấp trên gia cầm	PHT-8
9	Tilmiphar Solution	Tilmicosin phosphate	Chai, bình, can	50; 100; 250; 500ml; 1; 5; 10; 25 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, dê, cừu, gia cầm	PHT-9
10	Ozuril-2.5	Toltrazuril	Chai, bình, can	50; 100; 250; 500ml; 1; 5; 10; 25 lít	Trị cầu trùng trên gia cầm	PHT-10
11	Neophar 500	Neomycin sulfate	Gói	100g; 2kg	Trị nhiễm khuẩn đường dạ dày ruột trên lợn, gia cầm	PHT-11

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
12	Sulthophal	Sulfadiazine, Trimethoprim	Chai	100; 200; 400ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên gia súc, gia cầm	PHT-12
13	Enrophar powder 20%	Enrofloxacin	Túi	100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	PHT-13
14	Pharmadox-30	Doxycyclin hyclate	Túi	100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	PHT-14
15	Doxyguard -50	Doxycycline hyclate	Túi	100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	PHT-15
16	Fenbenphar 10% suspension	Fenbendazole	Chai	100; 200; 250; 300; 500ml; 1l	Phòng trị bệnh giun, sán đường tiêu hóa, đường phổi trên trâu, bò, cừu, gia cầm	PHT-16
17	Fenbenphar 20%	Fenbendazole	Túi	100; 500; 1000g	Phòng trị bệnh giun, sán đường tiêu hóa, đường phổi trên trâu, bò, cừu, gia cầm	PHT-17
18	Mulingguard-45	Tiamulin hydrogen fumarate	Túi	100; 500g; 1kg	Trị ly, viêm phổi trên lợn và bệnh hen suyễn (CRD) trên gà	PHT-18

20. Công ty Advance Pharma

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Daimenox 800	Sulfamonomethoxine sodium	Gói, chai	20; 30; 50;100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị hô hấp mãn tính, sốt malaria và phòng bệnh leucocytozoon trên gà	APT-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2	Tyromix-S 10 MX	Tylosin, Sulfamethazine	Gói	100; 500g; 1kg	Trị bệnh hô hấp, tiêu hóa, lỵ trên heo	APT-4

21. Công ty Vesco Pharmaceutical

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Pactacin	Gentamycin	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Gentamycin gây ra trên trâu, bò, lợn, chó, mèo	VPC-1
2	Iverpac	Ivermectin	Chai	100ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, dê, cừu, heo	VPC-2
3	Lin 30	Lincomycin HCl	Chai	50; 100ml	Trị viêm phổi trên heo; trị áp xe phổi, viêm vú, nhiễm trùng khớp trên trâu, bò; trị nhiễm trùng mô mềm trên chó, mèo	VPC-3

22. Công ty The Medicpharma

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Cydomox 500	Amoxycillin	Gói, bao	100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, lợn, gia cầm	MEP-1
2	Ampicyclin	Ampicillin	Gói, bao	100g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu chảy, viêm khớp, tiết niệu - sinh dục trên lợn, gia cầm	MEP-2
3	Navajo 30	Doxycycline	Gói, bao	100g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên lợn, gia cầm	MEP-3

THỤY ĐIỂN

1. Công ty DR Tezza S.R.L

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Ascarex D	Piperazin HCl	Thùng	25kg	Trị ký sinh trùng, các loại giun tròn	AZN-01

THỤY SỸ (SWISS)

1. Công ty Finalor AG

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	Ascorbic Acid	Vitramin C	Túi, hộp	25kg	Cung cấp Vitamin C cho gia súc, gia cầm	Anh	HLR-1
2	Carophyll Red	Cantaxanthin	Túi, hộp	5 - 20kg	Cung cấp sắc tố màu đỏ cho gia cầm	Pháp	HLR-3
3	Carophyll Yellow	Apo-Ester	Túi, hộp	5 - 20kg	Cung cấp sắc tố màu vàng cho gia cầm	Pháp	HLR-4
4	K3 Stab Feed Grade	Vitamin K_3	Túi, hộp	25kg	Cung cấp Vitamin K_3 cho gia súc, gia cầm	Ý	HLR-5
5	Menadione Sodium Bisulfite Feed Grade	Vitamin K_3	Túi, hộp	25kg	Cung cấp Vitamin K_3 cho gia súc, gia cầm	Ý	HLR-6
6	Pyridoxine Hydrochloride	Vitamin B_6	Túi, hộp	20kg	Cung cấp Vitamin B_6 cho gia súc, gia cầm	Đức	HLR-7
7	Rovimix C-EC	Vitamin C	Túi, hộp	25kg	Cung cấp Vitamin C cho gia súc, gia cầm	Anh	HLR-12

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
8	Rovimix A-500	Vitamin A	Túi, hộp	20kg	Cung cấp Vitamin A cho gia súc, gia cầm	Thụy Sỹ	HLR-17
9	Rovimix AD_3 500/100	Vitamin A và D	Túi, hộp	20kg	Cung cấp Vit A, D cho gia súc, gia cầm	Pháp	HLR-19
10	Rovimix B_1	Vitamin B_1	Túi, hộp	25kg	Cung cấp Vitamin B_1 cho gia súc, gia cầm	Đức	HLR-20
11	Rovimix B_2 80 SD	Vitamin B_2	Túi, hộp	20kg	Cung cấp Vitamin B_2 cho gia súc, gia cầm	Pháp	HLR-21
12	Rovimix B_6	Vitamin B_6	Túi, hộp	25kg	Cung cấp Vitamin B_6 cho gia súc, gia cầm	Đức	HLR-22
13	Rovimix Beta-Carotene 10%	Beta-carotene	Túi, hộp	5kg	Cung cấp Beta-carotene cho gia súc, gia cầm	Pháp	HLR-23
14	Rovimix Calpan	Pantothenates	Túi, hộp	25kg	Cung cấp Pantothenic acid cho gia súc, gia cầm	Anh	HLR-24
15	Rovimix D_3-500	Vitamin D	Túi, hộp	20kg	Cung cấp Vitamin D cho gia súc, gia cầm	Pháp	HLR-25
16	Rovimix E-50 Adsorbate	Vitamin E	Túi, hộp	25kg	Cung cấp Vitamin E cho gia súc, gia cầm	Thụy Sỹ	HLR-26
17	Rovimix E-50 SD	Vitamin E	Túi, hộp	20kg	Cung cấp Vitamin E cho gia súc, gia cầm	Pháp	HLR-27
18	Rovimix Folic 80 SD	Folic acid	Túi, hộp	1 - 20kg	Cung cấp Folic acid cho gia súc, gia cầm	Pháp	HLR-28
19	Rovimix H-2	Biotin	Túi, hộp	5 - 20kg	Cung cấp Biotin cho gia súc, gia cầm	Pháp	HLR-29

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
20	Rovimix Niacin	Vitamin PP	Túi, hộp	25kg	Cung cấp Vitamin PP cho gia súc, gia cầm	Thụy sỹ	HLR-30
21	Rovimix Stay-C 35	Vitamin C	Túi, hộp	25kg	Cung cấp Vitamin C cho gia súc, gia cầm	Pháp	HLR-31
22	Thiamine Hydrochloride	Vitamin B_1	Túi, hộp	20kg	Cung cấp Vitamin B_1 cho gia súc, gia cầm	Đức	HLR-32
23	Vitamin B_{12} 1% Feed Grade	Vitamin B_{12}	Túi, hộp	5kg	Cung cấp Vitamin B_{12} cho gia súc, gia cầm	Pháp	HLR-33

2. Công ty Novartis

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Econor 1%	Valnemulin	Bao, gói	100, 500g & 1kg	Trị bệnh hô hấp	NVT-1
2	Econor 10%	Valnemulin	Bao, gói	100, 500g & 1kg	Trị bệnh hô hấp	NVT-2
3	Econor 50%	Valnemulin	Bao, gói	100, 500g & 1kg	Trị bệnh hô hấp	NVT-3
4	Dynamutilin injection 20%	Tiamulin hydrogen fumarate	Chai	100ml	Trị viêm phổi, bệnh lỵ, Leptospirosis trên heo	NVT-8
5	Tiotilin 10% injection	Tiamulin hydrogen fumarate	Chai	100ml	Trị viêm phổi, bệnh lỵ, Leptospirosis trên heo	NVT-9
6	Roxolin	Halquinol	Gói, thùng	100g; 1; 10; 20; 25kg	Trị tiêu chảy trên heo, gia cầm	NVT-10
7	Dynamutilin 10% Coated	Tiamulin hydrogen fumarate	Gói, bao, thùng	100; 500g; 1; 10; 25; 30; 40; 50kg	Trị lỵ, viêm phổi trên heo	NVT-11
8	Dynamutilin 10% Oil injection	Tiamulin hydrogen fumarate	Chai	100ml	Trị lỵ, viêm phổi, viêm khớp trên heo	NVT-12

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
9	Aquacil	Amoxicillin trihydrate	Gói, bao, thùng	100; 500g; 1; 10; 25; 30; 40kg	Trị nhiễm khuẩn trên heo	NVT-13
10	Dynamutilin feed premix	Tiamulin hydrogen fumarate	Gói, bao, thùng	100; 500g; 1; 10; 25; 30; 40; 50kg	Trị lỵ, viêm phổi trên heo	NVT-14
11	Lopatol 100	Nitroscanate	Hộp	10 viên	Trị giun chó, mèo	CGN-01
12	Lopatol 500	Nitroscanate	Hộp	4 viên	Trị giun chó, mèo	CGN-02
13	ESB 3	Sulfaclozine sodium	Bột	20, 250, 500g; 25, 50kg	Trị bệnh cầu trùng, thương hàn	CGN-06
14	Fasinex 900	Triclabendazole	Hộp	25, 30, 40, 50, 80 viên	Trị sán lá gan	CGN-09
15	Fasinex 10%	Triclabendazole	Lọ	100ml	Trị sán lá gan	CGN-10
16	Cosumix Plus	Sulfachloropyridazine Sodium	Bao, gói	20, 250, 500g; 1; 25; 50kg	Trị bệnh tụ huyết trùng và thương hàn	CGN-11
17	Tiamutin 10%premix	Tiamulin	Bao, gói	100g, 500g & 1kg	Trị bệnh hô hấp	CGN-18
18	Neocidol - 250 EC	Diazinon	Lọ	1 lít	Trị ngoại KST	CGN-20
19	Quixalud 60%	Halquinol	Bao, gói	100g; 1, 10, 20, 25, 50kg	Ức chế vi khuẩn, gây tiêu chảy	CGN-21
20	Tiamutin 45%	Tiamulin	Bao, gói	10g, 20g, 100g, 25kg	CRD trị bệnh hô hấp mãn tính	SD-5
21	Tiamutin 80% Coated (Denagard 80% Coated)	Tiamulin	Bao, gói thùng	100g, 25g, 30g, 25; 30; 50kg	Trị bệnh hô hấp cho heo	SD-6
22	VertinGard 1% Injection	Ivermectin	Chai	100ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, cừu, lợn, chó, mèo	NVT-15

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
23	VertinGard premix	Ivermectin	Túi	100; 500g;1; 10; 20; 25kg	Phòng và trị giun tròn đường ruột, giun thận, giun phổi, ve, rận và ghẻ lở trên lợn	NVT-16
24	Kanagard	Kanamycin	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gram(+), Gram(-) và Mycobacterial gây ra trên trâu, bò, ngựa, lợn, chó, mèo	NVT-17
25	Gentagard®	Gentamycin	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng mô mềm, viêm màng trong dạ con, viêm tử cung, bọc mủ tử cung do vi khuẩn gram (-) gây ra trên lợn, gà, chó, mèo	NVT-18
26	Enflogard®	Enrofloxacin	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, lợn	NVT-19

TURKEY

1. Công ty Provet Veterinary Products

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Amoxycol	Amoxicillin trihydrate, Colistin sulfate	Chai	10; 50; 100; 250ml	Trị bệnh do vi khuẩn Gram(+) và Gram(-) trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo	PVP-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
2	Penstrep-C	Penicillin G Procaine, Dihydrostreptomycin sulfate, Chlopheniramin maleale	Chai	10; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Penicilin và streptomycin gây ra trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo	PVP-2
3	Enroxil	Enrofloxacin	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị E.coli, thương hàn, Mycop-lasma Spp. pneumonia Spp. trên trâu, bò, lợn	PVP-3
4	Amoxycure-LA	Amoxicillin trihydrate	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh do vi khuẩn Gram(+) và Gram(-) trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo	PVP-4
5	Tetraplex LA	Oxytetracycline	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp, dạ dày ruột, nhiễm trùng tiết niệu, mô mềm trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	PVP-5
6	Amoxlav	Amoxicilin trihydrate, Clavulanic acid	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiết niệu, sinh dục do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicilin gây ra trên trâu, bò, dê, cừu, bê, chó, mèo, lợn	PVP-6
7	Cefcloren	Ceftiofur HCl	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, do vi khuẩn nhạy cảm với Ceftiofur gây ra trên trâu, bò, cừu	PVP-7
8	Doxymix	Doxycycline mono hydrate	Chai, bình	100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycyclin gây ra trên trâu, bò, lợn	PVP-8

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
9	Tilmicos	Tilmicosin phosphate	Chai	50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, do vi khuẩn nhạy cảm với Tilmicosin gây ra trên trâu, bò, lợn, chó	PVP-9
10	Enroxil	Enrofloxacin	Chai, bình	100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa do VK nhạy cảm với Enrofloxacin trên bê, gia cầm	PVP-10
11	Ferdex B_{12}	Iron dextran, Vitamin B_{12}	Chai	20; 50; 100ml	Phòng trị thiếu máu trên gia súc non	PVP-11
12	Doksilin - LA	Doxycycline mono hydrate	Chai, bình	50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, do vi khuẩn nhạy cảm với doxycyclin gây ra trên trâu, bò, lợn	PVP-12
13	Doxymix WSP 50%	Doxycycline	Gói, bao	100; 250; 500g; 1; 5kg	Trị bệnh đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline trên bê, nghé, lợn, gia cầm	PVP-13
14	Vitaljek-AD_3E + BC	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_3, B_6, B_{12}, C, PP	Chai	20; 50; 100; 250ml	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamine, hỗ trợ điều trị bệnh truyền nhiễm, tình trạng stress. Rối loạn tăng trưởng, rối loạn sinh sản, bệnh thiếu máu, giai đoạn hồi phục sau khi bệnh	PVP-14
15	Tylocure	Tylosin	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiết niệu - sinh dục, viêm tai, viêm mô dưới da, chống phụ nhiễm kế phát do vi trùng trong những bệnh do virus, nhiễm trùng hậu phẫu trên trâu, bò, heo	PVP-15

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
16	Mectizan-LA	Ivermectin	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị nội ngoại ký sinh trên trâu, bò, cừu, dê, heo	PVP-16
17	Clavon SD	Amoxicillin Clavulanic acid	Ống bơm	10; 20ml	Trị viêm vú trên bò sữa do Staphy-lococci, Streptococci, Arca- - nobacteria, E.coli, Bacteroides, Bacillus cereus, Campylobacter, Klebsiella, Pasteurella	PVP-17
18	Viocid-Oxy	Oxytetracycline, Vitamin A, Zine oxide	Bình xịt	100; 200ml	Trị vết thương ngoài da, móng khớp trên gia súc, gia cầm	PVP-18

2. Công ty VILSAN Veteriner Ilaclari Tic.San.A.S

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Ceftivil	Ceftiofur	Chai	50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, mô mềm trên gia súc	VST-1
2	Doksivil	Doxycyclin	Gói, hộp	20; 100g; 1; 2,5kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê nghé, gà	VST-2
3	Florvil 20%	Flofenicol	Chai	500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do E.coli trên gà	VST-3
4	Furavet	Oxytetracyclin; Neomycin	Gói, hộp	20; 100g; 1; 2,5kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, dê, cừu non, gia cầm.	VST-4
5	Klavil	Amoxicillin, acid clavulanic	Chai	20; 40; 50; 100 ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục niệu, viêm vú, viêm tử cung, nhiễm trùng sau phẫu thuật trên trâu, bò, chó, mèo	VST-5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
6	Lypectin	Lincomycin; Spectinomycin	Chai	20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, niệu sinh dục, hệ tiêu hóa, mô mềm trên bê, nghé, cừu, dê, mèo, chó	VST-6
7	Primaful	Oxytetracylin; Flunixin	Chai	20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn hệ hô hấp, tiết niệu trên gia súc	VST-7
8	Primavilin LA 300	Oxytetracyclin	Chai	20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu	VST-8
9	Vilacol	Amoxicillin; Colistin	Gói, hộp	100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên gà	VST-9
10	Vilamoks LA	Amoxicillin	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, niệu sinh dục trên trâu, bò, cừu, lợn, chó, mèo	VST-10
11	Makovil	Tilmicosin	Chai	240; 480; 960ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên gia cầm	VST-11
12	Katovil	Butaphosphan và Vitamin B_{12}	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị rối loạn chuyển hóa, phục hồi sức khỏe, còi cọc ở thú non, rối loạn chuyển hóa do suy dinh dưỡng trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo, gia cầm, chó, mèo	VST-12

ALGERIA

1. Công ty Algerian Animal Health Products Laboratories

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	AL-Floxacine 10%	Enrofloxacin	Chai	1 lít	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm	AAH-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
2	BI-AL Prim	Sulfadimethoxine Sodium, Trimethoprim	Chai	250ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimethoxine, Trimethoprim gây ra trên bê, cừu non, dê non, thỏ, gia cầm	AAH-2
3	Colistin-AL P.S	Colistin	Túi	100; 500g, 1kg	Trị nhiễm khuẩn E.coli trên bê, cừu, dê non, gia cầm	AAH-3
4	Neoterr-AL	Oxytetracycline, Neomycin , Vitamin A, D_3, E, B_{12}, PP, K_3, Calcium patothenate	Túi, hộp	100; 500g, 1kg	Trị nhiễm khuẩn gây ra bởi vi khuẩn mẫn cảm với Oxytetracyclin và Neomycin	AAH-4

CHINA

1. Công ty Fuzhou Fuxin Pharmaceutical

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Kanamycin sulfate BP98 (Kanamycin Mono sulfate BP98)	Kanamycin sulfate	Thùng	15; 25bou/kb	Phòng, trị bệnh do vi khuẩn Gr(+) gây ra ở gia súc, gia cầm	FFPC-01

2. Công ty Zhejiang Nhu

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Vitamin D_3	Vitamin D_3 Powder 500.000IU/g Min	Thùng	25kg	Bổ sung Vitamin D_3	ZN-01

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Vitamin A/D_3	Vitamin A, D_3	Thùng	25kg	Bổ sung Vitamin A, D_3	ZN-02
3	Biotin 2% Min	Vitamin H	Thùng	25kg	Bổ sung Vitamin H	ZN-03
4	Vitamin A	Vitamin A Powder 500.000IU/g Min	Thùng	25kg	Bổ sung Vitamin A	ZN-04
5	Vitamin E	Vitamin E Powder 50% Min	Thùng	25kg	Bổ sung Vitamin E	ZN-05

3. Công ty Zhumadian Huazhong Chia tai Co.,

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Chlortetracycline feed grade (CTC.F.G) 15% Powder	Chlortetracycline	Bao	25kg	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm Chlortetracycline gây ra trên heo, cừu non, gia cầm	ZCT-1
2	Chlortetracycline feed grade (CTC.F.G) 15% Granular	Chlortetracycline	Bao	25kg	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm Chlortetracycline gây ra trên heo, cừu non, gia cầm	ZCT-2

4. Công ty Zhanjiang Baoshenghuang Pharmaceutical Co., Ltd)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Tylosin tartrat 98%	Tylosin tartrat	Lọ	1g	Tác dụng mạnh đối với các vi khuẩn gram (-), gram(+)	ZBP-1
2	Streptomycin Sulphate	Streptomycin	Lọ	1,3g (1.000.000 IU)	Trị viêm phổi, viêm họng, viêm phế quản, suyễn, viêm dạ dày viêm ruột do vi khuẩn, viêm hệ thống đường hô hấp của gia cầm, viêm đường tiết niệu, viêm tuyến sữa	ZBP-2

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
3	Benzil Penicillin potassium	Benzil Penicillin	Lọ	1.000.000 IU	Trị các bệnh do vi khuẩn gây ra	ZBP-3
4	Enrofloxacin 5% LA	Enrofloxacin	Lọ	50; 100ml	Trị các bệnh do E.coli, Salmonella, pasteurella. Mycoplasma, khuẩn gây mủ xanh	ZBP-4
5	Enrofloxacin 10% LA	Enrofloxacin	Lọ	50; 100ml	Trị các bệnh do E.coli, Salmonella, pasteurella. Mycoplasma, khuẩn gây mủ xanh	ZBP-5

5. Công ty Hebei Yuanzheng Pharmaceutical

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Yzoxytetra 20%	Oxytetracyclin	Chai	50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gr(-), Gr(+) gây ra ở đường tiêu hóa, hô hấp, bại huyết, viêm vú, đường niệu dục	HYP-1
2	Analgin 500	Metamizol	Ống, chai	2; 10; 50; 100ml	Giảm đau, hạ sốt	HYP-2
3	Gentamycin 10% Inj	Gentamycin sulphate	Chai	10, 20, 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, da, tiết niệu - sinh dục, viêm dạ dày - ruột	HYP-3
4	Terra 20% L.A	Oxytetracycline	Chai	10, 20, 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, da, tiết niệu - sinh dục, viêm dạ dày - ruột	HYP-4
5	Flor Max 30%	Florfenicol	Chai	10, 20, 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trâu, bò, heo	HYP-5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
6	Oxytetracycline 10% inj	Oxytetracycline (HCl)	Chai	10, 20, 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm vú, viêm da trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	HYP-6
7	Pen Strep Inject	Penicillin G Procaine Dihydrostreptomycin Sulfate	Chai	10, 20, 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn gây ra do vi khuẩn nhạy cảm với penicillin và Dihyd-rostreptomycin trên trâu, bò, ngựa, lợn, lừa, cừu và dê	HYP-7
8	Gramovet 15% LA	Amoxicillin	Chai	10, 20, 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn trên ngựa, trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó mèo	HYP-8
9	Ivermectin 1% inj	Ivermectin	Chai	10, 20, 50; 100ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, lợn	HYP-9

6. Công ty Zhejiang Hisun Pharmaceutical

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Enradin F- 80	Enramycin	Bao	20kg	Chống lại sự phát triển của vi khuẩn đường ruột trên gia cầm và heo	TKD-1
2	Enradin F- 40	Enramycin	Bao	20kg	Chống lại sự phát triển của vi khuẩn đường ruột trên gia cầm và heo	TKD-2

7. Công ty Hebei Shengxue Dacheng Pharmaceutical

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Colistin sulfate	Colistin sulfate EP4	Bao	20kg	Trị bệnh do vi khuẩn Gram(-)	HSD-1

8. Công ty Zhejiang Apeloa Kangyubio - Pharmaceutical

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Colistin sulfate	Colistin sulfate EP4	Bao	20kg	Trị bệnh do vi khuẩn Gram(-)	ZAK-1

9. Công ty Pucheng Lifecome Biochemistry

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Zambac MD 100	Bacitracin methylene disalicylate	Bao	25kg	Trị viêm ruột trên heo, gia cầm	PLB-01
2	Chlortetracycline hydrochloride	Chlortetracycline HCl	Bao	25; 50kg	Kiểm soát và điều trị tăng sinh quá mức vi khuẩn gây hại đường ruột, phó thương hàn trên gà, thương hàn, viêm ruột trên heo	PLB-2

10. Công ty Yantai Luye Animal Health Products

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Ironwon-20	Iron dextran, Vitamin B_{12}	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt trên bê, nghé, heo con	YLP-1

11. Công ty Hangzhou AN-T-Mate Animal Pharmaceutical

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Florcol inj	Florfenicol	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, dê, heo	HAP-1

12. Công ty Aether Centre (Beijing) Biology

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Centre-Dicox (Diclazuril 2.5% Oral Solution)	Diclazuril	Chai	100; 500ml; 1 lít	Trị cầu trùng trên gia cầm	ACB-1
2	Centre-Toltr (Toltrazuril 2.5% Oral Solution)	Toltrazuril	Chai	100; 500ml; 1 lít	Phòng và trị cầu trùng trên lợn con, gia cầm	ACB-2
3	Centre-Enrox injection 10% (Enrofloxacin injection 10%)	Enrofloxacin	Chai	100ml; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	ACB-3
4	Centre-Oxyte (Oxytetracycline 20% LA Injection)	Oxytetracycline	Chai	100ml; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, nhiễm trùng da, tiết niệu - sinh dục, nhiễm trùng máu trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, gia cầm	ACB-4
5	Centre-Gentdox	Doxycycline hyclate, Gentamycine sulfate	Gói, bao	100g; 250g; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	ACB-5

13. Công ty Weifang Premier Animal Pharmaceutical Industries

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Amoxicillin 300	Amoxicilline; Bromhexin	Lon	1; 5kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin gây ra trên gia súc, gia cầm	WPA-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2	Doxycycline 200	Doxycycline hydrochloride	Hộp	1; 5kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gia cầm	WPA-2
3	Ampicol	Ampicillin, Colistin Sulfate	Hộp	100g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin và Colistin gây ra trên trâu, bò, lợn, gia cầm	WPA-3

CHI LÊ

1. Công ty Laboratorio Centrovet LTDA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Enromic 10%	Enrofloxacine	Lọ	20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phế quản, phổi, viêm vú, viêm tử cung cho trâu, bò, lợn, cừu, dê, chó, mèo	LACE-1
2	Supervitasol w.s.p	Vitamin A, C, D_3, E, B_1, B_2, B_3, B_5, B_6, B_{12}, K, Biotin, điện giải, Folic aid	Chai	20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị các chứng thiếu vitamin	LACE-3
3	Fipronil 0,25%	Fibronil, Povidone	Bình xịt	50; 100ml	Trị ngoại ký sinh trên chó, mèo	LACE-4
4	Rexolin plus	Fipronil; S-methoprene	Hộp	3 tuýp (tuýp: 0,7; 1,3; 2,7; 4,0ml)	Diệt bọ chét, ve trên chó	LACE-5
5	Ehliquantel	Praziquantel	Hộp	50 viên/hộp	Trị sán dây, giun tròn trên chó	LACE-6

BULGARIA

1. Công ty Biovet J.S.C

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Tylosin tartrate	Tylosin tartrate	Thùng	5; 10; 25kg	Phòng và trị bệnh đường hô hấp, viêm ruột bệnh lỵ trên gia cầm, lợn	BB-1
2	Tiamulin HF	Tiamulin hydrogen fumarate	Thùng	5; 10; 25kg	Phòng và trị những bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Tiamulin gây ra	BB-2
3	Rodotium 10%	Tiamulin hydrogen fumarate	Túi, thùng	1; 5; 10; 25kg	Phòng và trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa	BB-3
4	Rodotium 45%	Tiamulin hydrogen fumarate	Túi, thùng	1; 5; 10; 25kg	Phòng và trị bệnh đường hô hấp, lỵ, viêm khớp trên lợn, gia cầm	BB-4
5	Rodotium 80%	Tiamulin hydrogen fumarate	Túi, thùng	1; 5; 10; 25kg	Phòng và trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa	BB-5
6	Flavomycin 40	Flavophospholipol	Bao	25kg	Cải thiện hệ vi sinh đường ruột, kích thích tăng trưởng trên gà, heo, trâu, bò	IT-97
7	Flavomycin 80	Flavophospholipol	Bao	25kg	Cải thiện hệ vi sinh đường ruột, kích thích tăng trưởng trên gà, heo, trâu, bò	IT-98
8	Salocin 120	Salinomycin	Bao	25kg	Tăng năng suất, tăng chuyển hóa thức ăn trên heo	IT-99
9	Sacox 120	Salinomycin	Bao	25kg	Phòng bệnh cầu trùng gà	IT-100
10	Tylovet 25% Granular	Tylosin	Gói, bao	1kg, 5kg, 20kg	Trị bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp mãn tính, viêm màng hoạt dịch, viêm xoang truyền nhiễm, xoắn khuẩn vàng da xuất huyết trên gà; kiết lỵ trên heo	BB-6

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
11	Tilmovet 20% Granular Premix	Tilmicosin	Gói, bao	1kg, 5kg, 20kg	Trị viêm phổi trên heo	BB-7
12	Pharmasin WSG	Tylosin tartrate	Lọ, gói	110gr; 1,1kg	Trị bệnh đường hô hấp, đường tiêu hóa, viêm hồi tràng, viêm ruột hoại tử, viêm xoang truyền nhiễm trên heo, bê, gà	BB-8
13	Tylovet 10% Granular	Tylosin phosphate	Túi	1, 5, 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên gia cầm; trị ly trên heo	BB-9
14	Tilmovet 25% Oral Solution	Tilmicosin	Lọ	60; 240; 960ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên gia cầm, heo	BB-10
15	Hydrodoxx	Doxycycline (Hyclate)	Gói	1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên lợn, gia cầm	BB-11

URUGUAY

1. Công ty Laboratorios Calier De Uruguay, SA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Tickamit 12.5	Amitraz	Bình	10; 20; 50; 60; 100; 250; 500ml; 1; 1,6l	Phòng và trị bệnh ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, dê, cừu, heo	CALIER-22

2. Công ty Laboratorios Microsules Uruguay S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Hematomic Plus	Vitamin B_{12}, Cobalt, Trytophan, Histidine chlohydrate, L-Methionin, Iron, Arsenic, Phosphorus	Chai	10; 25; 50; 100; 500ml; 1l	Phòng và trị rối loạn liên quan đến những triệu chứng thiêu	LMU-1
2	Ceftiomic	Ceftiofur	Chai	10; 50; 100; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo	LMU-2
3	Enromic 20% Oral	Enrofloxacin	Chai	100ml; 1; 5 lít	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp, tiết niệu trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm	LMU-3

Mục lục

I. DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP SẢN XUẤT TRONG NƯỚC

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E.Mail	Điện thoại	Fax
	THÀNH PHỐ HÀ NỘI				
1	Công ty Cổ phần thuốc thú y TW I (VINAVETCO)	88 - Trường Chinh - Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội		04.8696243 091.3210744	04.8691263
2	Công ty Cổ phần dược và vật tư thú y (HANVET)	88 - Trường Chinh - Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội	ducluu@netnam.vn	04.8691156	04.8690097
3	Công ty TNHH TM&SX thuốc thú y Diễm Uyên (HUPHAVET)	Ngõ 2 - Cầu Tiên - Giáp Nhất - Thịnh Liệt - Thanh trì - Hà Nội	huphavet@hn.vnn.vn	04.8686633 04.8617456	
4	Công ty TNHH Dược thú y Thăng Long	11A ngõ 76 - Lạc Long Quân - quận Tây Hồ - Hà Nội		04.7530706	
5	Công ty TNHH Thuốc thú y (PHAVETCO)	128C Đại La - Đồng Tâm; Số 23, tổ 17, đường Nguyễn Tam Trinh - Mai Động - Hai Bà Trưng - Hà Nội		04.8696273 04.8626908	
6	Công ty TNHH thú y Việt Nam	129, đường Yên Lạc - Vĩnh Tuy - Hai Bà Trưng - Hà Nội	ngtlananh@yahoo.com	04.9783274 04.6362977	
7	Công ty Cổ phần thuốc thú y TW5 (FIVEVET)	Khu Công nghiệp Hà Bình Phương, H. Thường Tín, Hà Nội		04.8531458 091.3210744	
8	Công ty TNHH Thú y xanh Việt Nam (Greenvet)	Khu Công nghiệp Phú Thị - Gia Lâm - Hà Nội	phuthaigroup@fpt.vn	04.8562175 091.3233703	04.5142388
9	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ phát triển chăn nuôi	Thôn Đồng Trì - Tứ Hiệp - Thanh Trì - Hà Nội		04.8695108	

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E.Mail	Điện thoại	Fax
10	Công ty TNHH Thuốc thú y Miền Bắc	Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội VP: Số 107 - A12 - Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội		04.8523616	
11	Công ty Cổ phần thuốc thú y Việt Anh	Cụm CN Liên Phương - Thường Tín - Hà Nội		04.6406213	
12	Công ty Cổ phần Hùng Nguyên	KCN Phùng Chí Kiên, H. Mỹ Hào, T. Hưng Yên		0321.3948032	
13	Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Cường	VP: H10, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội. ĐCSX: Xóm 4, Giáp Tứ, Thịnh Liệt, Q. Hoàng Mai, Hà Nội		04.8694629	
14	Công ty TNHH Năm Thái	23 Quốc Bảo, thị trấn Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội		04.8532543 090.3445644	04.8532543
15	Công ty Cổ phần Hải Nguyên	Thôn Chính Trung - Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội			
16	Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu dược thú y NASA	Tổ 20 Thịnh Liệt, Q.Hoàng Mai, Hà Nội		04.8695074	
17	Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ thú y	74 - Trường Chinh - Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội		04.8691589	
18	Công ty Cổ phần thuốc thú y SVT Thái Dương	Nguyên Khê - Đông Anh - Hà Nội			
19	Công ty Cổ phần thuốc thú y Đức Hạnh (Marphavet)	Mỹ Đình - Từ Liêm - Hà Nội			

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E.Mail	Điện thoại	Fax
20	Cty Cổ phần Provet Việt Nam	KCN Trưng Trắc, H. Văn Lâm, Hưng Yên			
21	Công ty Cổ phần Dược phẩm xanh Việt Nam (Greenpharma)	Khu Công nghiệp Phú Thị - Gia Lâm - Hà Nội	phuthaigroup@fpt.vn	04.8562175 091.3233703	04.5142388
22	Công ty TNHH Vương Việt Anh	142 Định Công, P. Định Công, Q. Hoàng Mai, Hà Nội		04.6642908	
23	Công ty TNHH thuốc thú y Việt Nam (Pharmavet Co)	Lô 28, Khu công nghiệp Quang Minh, H. Mê Linh, Hà Nội		091.3597222 091.3555166	04.6610747
24	Xí nghiệp thuốc thú y Trung ương	Thị trấn Phùng - Hoài Đức - Hà Nội		034.861337	034.861799
25	Công ty Phát triển công nghệ nông thôn (RTD)	Khu Công nghiệp An Khánh - Hà Nội	rtd-utad@fpt.vn	04.8686154 091.3227058	
26	Công ty Cổ phần Sóng Hồng	Khu Công nghiệp An Khánh - Hà Nội		04.8685558 091.3228571	
27	Công ty Cổ phần Dược phẩm công nghệ cao	Khu Công nghiệp An Khánh - Hà Nội			
28	Công ty Cổ phần công nghệ sinh học Thú y(BTV)	Biên Giang-TX.Hà Đông, Hà Nội			
29	Công ty TNHH thuốc thú y Bình Minh	Cụm Công nghiệp Phùng, Đan Phượng, Hà Nội		04.22811863	
30	Công ty Cổ phần thuốc thú y Đất Việt	Đường Giải Phóng, Hà Nội			
31	Công ty Cổ phần Greenlab Việt Nam	Khu Công nghiệp Phú Thị - Gia Lâm - Hà Nội			

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E.Mail	Điện thoại	Fax
	HƯNG YÊN				
32	Công ty TNHH Phát triển mạng lưới toàn Cầu Nam Dũng (Netde Co., Ltd)	Thôn Hành Lạc - Thị trấn Như Quỳnh - Huyện Văn Lâm - tỉnh Hưng Yên	namdung@fpt.vn	091.3222327	
	BẮC GIANG				
33	Công ty TNHH Yan Wen Qing Bắc Giang	Việt Tiến, H.Việt Yên - T.Bắc Giang			
	THÁI BÌNH				
34	Công ty TNHH Việt Trung	Khu III, TT. Hưng Hà, Thái Bình		01234733699	
35	Công ty thương mại và Đầu tư thuốc thú y Đông Nam Á	Đông Hưng, Thái Bình			
	THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG				
36	Công ty Cổ phần thuốc thú y TWI - Chi nhánh Đà Nẵng	35F Nguyễn Chí Thanh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng			
	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH				
37	Công ty TNHH một thành viên thuốc thú y TW (NAVETCO)	29 Nguyễn Đình Chiểu; số 5 Trần Cao Vân - Quận I - TP HCM	navetco@hcm.netnam.vn	08.8225063	08.8225060
38	Công ty LD Bio-Pharmachemie	2/3 Tăng Nhơn Phú, Phước Long B, Quận 9 - TP. HCM	biopharmachemie@hcm.vnn.vn	08.7313490 08.7313698	08.7313488
39	Công ty TNHH một thành viên thuốc thú y Thuận Kiều	236A Lê Văn Sĩ - quận Tân Bình - TP HCM	gammachem@hcm.vnn.vn	08.8440582 08.8445155	

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E.Mail	Điện thoại	Fax
40	Công ty Cổ phần Dược thú y A No Va	KCN Long Cang, tỉnh Long An	saigonvet@gmx.net	08.7313547 08.7310239	08.7310704
41	Công ty TNHH Minh Huy	431/16A đường 26/3, Lê Đức Thọ, quận Gò Vấp, TP HCM	micronetvn@yahoo.com	08.8444834 0903817021	
42	Cơ sở Sản xuất Dược thú y Khoa Nguyên	5/22 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh	vetejject@hcm.vnn.vn	08.8425556	08.8498550
43	Công ty TNHH sản xuất thương mại 533	29 Đào Cam Mộc, P4, Q8, TP. Hồ Chí Minh		08.8503092	08.8505196
44	Công ty TNHH Thương mại và sản xuất thuốc thú y Sài Gòn (Sonavet)	45/308D và 36/1G Quang Trung, phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh	sonavet@hcm.fpt.vn	08.9872697 08.9873617	08.9873618
45	Công ty TNHH sản xuất thương mại Lê Trung	105/130 2A đường Nguyễn Văn Lượng, Q. Gò vấp, TP HCM	letrung126f105@hcm.vnn.vn	08.8951565 08.8444677	
46	Công ty TNHH sản xuất thuốc thú y Thịnh Á	220 Phạm Thế Hiển - phường 2 - quận 8 - TP HCM	asifac@hcm.vnn.vn	08.8515728 08.8513571	08.8568035
47	Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Việt Viễn (VIVCO)	14G Phan Văn Trị - phường 7 - quận Gò Vấp - TP HCM	vivco-97@hcm.vnn.vn	08.8943854 0903839307	
48	Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất thuốc thú y Gấu Vàng	458 đường Cách mạng tháng Tám - phường 4 - quận Tân Bình - TP HCM	golden-bear@hcm.vnn.vn; khuungoc79@hotmail.com	08.8443278 0913805777	
49	Công ty TNHH TM-SX thuốc thú y Song Vân	15/5 Phạm Văn Hai, P1, Q. Tân Bình, TP HCM	sovavet@yahoo.com ahnni@pvthcm.org	08.8447269 08.8442422	08.8447269
50	Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất thuốc thú y Anpha	7/3 Giãn Dân - Long Thạnh Mỹ - TP HCM	vuonglinhus@yahoo.com quanghuynet@yahoo.com	08.7330074	08.7330074

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E.Mail	Điện thoại	Fax
51	Công ty TNHH Quốc Minh	20/3 Tam Bình, KP8, P. Hiệp Bình Chánh , Q. Thủ Đức - TP. HCM	quocminhcom@hcm.vnn.vn	08.72661443	08.7266799
52	Cty TNHH Thương mại & SX dinh dưỡng thú y Nam Long	TP. Hồ Chí Minh			
53	Công ty TNHH TM&SX thuốc thú y Napha	159 Bùi Công Trừng - Nhị Bình - Hóc Môn - TP. HCM	napha@hcm.vnn.vn	08.7120481	08.7120519
54	Doanh nghiệp tư nhân Phúc Thọ	260/40 Đường Nguyễn Thái Bình, P12, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh	dntn_phuctho@yahoo.com	0903644488	
55	Công ty TNHH Kinh doanh Thuốc thú y Minh Ngân	33 B8 Điện Biên Phủ - Q. Bình Thạnh - TP. HCM	nghipm@hcm.fpt.vn	08.9967319	08.8223577
56	Công ty TNHH TM&SX thuốc thú y Thịnh Phát	Ấp Cây Đa - xã Tân Phú Trung - huyện Củ Tri - TP. Hồ Chí Minh	thinhphatco@saigonnet.vn	08.8992621 08.790630	08.8405844
57	Công ty TNHH thuốc thú y quốc tế Đông nghi (INVET)	14G Phan Văn Trị - Phường 7 - Quận Gò Vấp - TP. Hồ Chí Minh	ngoc1234@hcm.vnn.vn; invet@hcm.vnn.vn	08. 8207994 08. 8207995	08.8207996
58	Công ty TNHH Kiến Vương	Lô 22, đường số 7, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh		08.37543624	
59	Công ty TNHH Noben	Thành phố Hồ Chí Minh			
60	Công ty TNHH Tân Huy Hoàng	Thành phố Hồ Chí Minh			
61	Công ty TNHH sản xuất - thương mại Toba	Thành phố Hồ Chí Minh			
62	Công ty TNHH UV	Thành phố Hồ Chí Minh			
63	Cty TNHH thuốc thú y - Thủy Sản Hương Hoàng Nam	A9/54 Ấp 1, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh			
64	Công ty Cổ phần CTCBIO Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh			

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E.Mail	Điện thoại	Fax
	TỈNH BÌNH DƯƠNG				
65	Công ty Liên doanh TNHH Anova	36 Đại lộ Độc Lập, Khu công nghiệp Việt Nam Singapore, Bình Dương	anova.bio@hcm.vnn.vn	0650.782770	0650.782700
66	Công ty TNHH Bayer Việt Nam	Xã Uyên Hưng - huyện Tân Uyên - Bình Dương	bichnt@bayer.com.vn	08.7313424	08.8978840
67	Công ty TNHH Thương mại và sản xuất thuốc thú y Minh Dũng	Khu phố Khánh Hội, TT. Tân Phước Khánh, H. Tân Uyên, T.Bình Dương	minhdungcom@hcm.vnn.vn trongthienpn@yahoo.com	0650.790847 0903708833	0650.790849
68	Công ty TNHH thương mại và sản xuất thuốc thú y SAPHA	134/46 Đông Hòa - Thuận An - Dĩ An - Bình Dương - TP HCM	safa@hcm.vnn.vn	0650.751403	0650.751063
	TỈNH TÂY NINH				
69	Công ty TNHH SX-TM A.S.T.A	Ấp Suối Sâu, xã An Tịnh, H.Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh		08.38373372	08.38379660
70	Công ty TNHH SX-TM M.E.B.I.P.H.A	Tỉnh Tây Ninh			
	TỈNH ĐỒNG NAI				
71	Công ty TNHH PROMIVI Việt Nam	238 Quốc lộ 1A - Phường Tân Hiệp - TP.Biên Hòa - Đồng Nai	nutriway@hcm.vnn.vn	061.884304 061.881489	061.884304 0913851554
72	Công ty TNHH Virbac Việt Nam	Khu công nghiệp Song Mây, xã Bắc Sơn, Thống Nhất, Đồng Nai	office@virbac.vnn.vn phuongthao@virbac.vnn.vn	08.8404629 091.3910101	08.8401260
73	Công ty TNHH Y.S.P Việt Nam	Đường số 6, khu công nghiệp Nhơn Trạch 3, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai		0613569993	0613569992

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E.Mail	Điện thoại	Fax
74	Công ty TNHH TM-SX Việt Thọ	Lô A1, đường số 4 khu CN Sông Mây, H.Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai		0613674880	0613674885
	TỈNH LONG AN				
75	Công ty Dược phẩm thú y - Thủy sản Long An	15 Phan Đình Phùng - phường 12 - Tân An - Long An		072.829203 072.834803	
76	Công ty Cổ phần Interpharma	H. Đức Hòa, tỉnh Long An		0723849179	0723849567
	TỈNH TIỀN GIANG				
77	Công ty Cổ phần Dược thú y Cai Lậy	Số 560 Quốc lộ 1 - Thị trấn Cai Lậy - Huyện Cai Lậy - Tiền Giang	mekovet@hcm.vnn.vn	08.8444834	
	THÀNH PHỐ CẦN THƠ				
78	Công ty SXKD Vật Tư và Thuốc thú y (VEMEDIM Cần Thơ)	Số 7 - đường 30/4 - thành phố Cần Thơ	vemedim@hcm.vnn.vn vmd@@hcm.vnn.vn	071.820703 071.820704	071.825853 071.825177
79	Công ty TNHH Thuốc thú y Cần Thơ (VETERCO)	Số 151/18 - Trần Hoàng Na - thành phố Cần Thơ	thanhphongg@yahoo.com	071.839766 091.3870031	071.831525
80	Công ty Thuốc thú y Hậu Giang (ANIVET)	108/46/6, đường 30/4 thành phố Cần Thơ	chaien223@yahoo.com	071.834713 071.834921	
81	Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại thuốc thú y 1/5	108/46/6D đường 30/4 - thành phố Cần thơ	haunp2002@yahoo.com	071.830385	
82	Công ty TNHH thuốc thú y 2-9	108/46/6B đường 30/4 - thành phố Cần Thơ	nhhung566@yahoo.com	071.833063 091.3829740	
83	Công ty TNHH thuốc thú y Á Châu (sản xuất thuốc thú y 3 - 2)	130 Quốc Lộ 1A - Phường Ba Láng - Quận Cái Răng - Cần Thơ		071.913347 091.3973043	

II. DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP ĐÓNG GÓI LẠI

1	Công ty TNHH TM thú y Tân Tiến	62/8-10-12 Bàu Cát - phường 13 - quận Tân Bình - TP Hồ Chí Minh		08.8493178	
2	Công ty TNHH TM và Sản xuất Thiện Nguyễn	67/2 Quốc lộ 1A, phường Thới An, quận 12, TP. Hồ Chí Minh	thng@hcm.netnam.vn	08.7173211 08.7173309	08.7173209
3	Công ty TNHH TM và Sản xuất Thuốc thú y Thịnh Á	220 Phạm Thế Hiển - phường 2 - quận 8 - TP HCM	asifac@hcm.vnn.vn	08.8515728 08.8513571	08.8568035
4	Công ty Cổ phần Dược thú y Cai Lậy	Số 560 Quốc lộ 1 - Thị trấn Cai Lậy - Huyện Cai Lậy - Tiền Giang	mekovet@hcm.vnn.vn	08.8444834 090.3817021	
5	Cty Liên doanh Guyomarc'h - VCN	Chèm - Thụy Phương - Từ Liêm - Hà Nội			
6	Công ty TNHH thương mại và sản xuất Việt Viễn	14G Phan Văn Trị - phường 7 - quận Gò Vấp, TP HCM	vivco-97@hcm.vnn.vn	08.8943854 0903839307	
7	Công ty Phát triển công nghệ nông thôn (RTD)	Khu Công nghiệp An Khánh - Hà Nội	rtd-utad@fpt.vn	04.8686154 091.3227058	
8	Công ty TNHH Asialand Việt Nam	Số 24 đường 26, khu CN Sóng Thần II, Dĩ An, Bình Dương	asialandvn@asialandvn.com	0650728628	
9	Công ty TNHH TM&SX thuốc Thú y Napha	159 Bùi Công Trừng - Nhị Bình - Hóc Môn - TP. HCM	napha@hcm.vnn.vn	08.7120481	08.7120519

III. DANH MỤC THUỐC, NGUYÊN LIỆU LÀM THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP NHẬP KHẨU

TT	Nhà sản xuất	Số đăng ký cuối cùng	Tổng số sản phẩm
	ENGLAND		
1	CÔNG TY ANUPCO	AP-44	32
2	CÔNG TY TITHEBARN	TTUK-05	5
3	CÔNG TY ECO ANIMAL HEALTH	ECO-07	7
4	CÔNG TY SPECIAL T PRODUCT	SPT-8	8
5	CÔNG TY MERIDEN ANIMAL HEALTH	MRD-03	2
6	CÔNG TY GLOBE VET	GVE-3	3
	ARGENTINA		
7	CÔNG TY CEVASA S.A	CEVA-43	41
8	CÔNG TY PROAGRA S.A	PSA-9	6
9	CÔNG TY VETANCO S.A	VTA-1	1
10	CÔNG TY BEDSON S.A	BSA-4	4
11	CÔNG TY ORGANIZACION VETERINARIA REGIONAL	OVR-4	4
	PERU		
12	CÔNG TY PHARMADIX CORP	PCP-4	
	INDIA		
13	CÔNG TY ALEMBIC LIMITED	ALBI-2	2
14	CÔNG TY AROSOL CHEMICAL PVT	ARSI-5	5
15	CÔNG TY AYURVET LIMITED	DAL-6	6
16	CÔNG TY CIPLA VETCARE	CIPLA-34	32
17	CÔNG TY RFCL LIMITED	RBXI-7	6
18	CÔNG TY VETOQUINOL INDIA ANIMAL HEALTH PRIVATE LTD	WVI-11	9

TT	Nhà sản xuất	Số đăng ký cuối cùng	Tổng số sản phẩm
19	CÔNG TY TETRAGON CHEMIE PVT. LTD	TẺTA-1	1
20	CÔNG TY ASHISH LIFE SCIENCE PVT.LTD	ALS-4	4
21	CÔNG TY VENKY'S (INDIA) LIMITED	VIL-4	4
22	CÔNG TY VITAL THERAPEUTICS & FORMULATIONS PVT	VTF-1	1
23	CÔNG TY SEQUENT SCIENTIFIC	SSL-8	8
24	CÔNG TY VETLIFE PHARMACEUTICALS	VPI-4	4
25	CÔNG TY INTERNATIONAL BIOLOGICALS	IBC-4	4
26	CÔNG TY INTAS PHARMACEUTICALS	INP-2	2
27	CÔNG TY P.V.S LABORATORIES	PVS-24	24
28	CÔNG TY P.V.S ANIMAL HEALTH	PAH-3	3
29	CÔNG TY ULTRA DRUGS	UDP-1	1
30	CÔNG TY VETBIOCHEM INDIA	VBC-4	4
31	CÔNG TY HARSHVARDHAN'S LABORATORIES	HLI-1	1
32	CÔNG TY V.M.D.N.V	VMD-48	44
33	CÔNG TY KELA LABORATORIA N.V	KELA-8	8
34	CÔNG TY JANSSEN PHARMACEUTICA N.V	JSPB-3	1
35	CÔNG TY TAMINCO NV	UCB-5	2
36	CÔNG TY SANICO NV	SNV-1	1
	BANGLADESH		
37	CÔNG TY RENATA	RLB-12	12
	CANNADA		
38	CÔNG TY INTERFEED	ITF-4	4
	EGYPT		
39	CÔNG TY ADWIA	ADWIA-6	3

TT	Nhà sản xuất	Số đăng ký cuối cùng	Tổng số sản phẩm
	HUNGARY		
40	CÔNG TY BIOGAL PHARMACEUTICAL WORKS LTD	BIOG-01	1
	IRELAND		
41	CÔNG TY FRANKLIN	FK-45	36
42	CÔNG TY NORBROOK	NBR-8	7
43	CÔNG TY UNIVET	UNIVET-5	5
44	CÔNG TY BALLINSKELLIGS VETERINARY PRODUCTS (BVP Ltd)	BVP-4	4
	SCOTLAND		
45	CÔNG TY KILCO INTERNATIONAL	KILCO-6	1
	TAIWAN		
46	CÔNG TY CHINA CHEMICAL & PHARMACEUTICAL	CCP-4	1
47	CÔNG TY RUEY SHYON PHARMACEUTICAL	RSPT-8	7
48	CÔNG TY HUNG CHANG PHARMACEUTICAL CO., LTD	HCP-7	7
49	CÔNG TY KASHIN MEDICINES Co., Ltd	KCPT-12	5
	GERMANY		
50	CÔNG TY BAYER AG	BYA-34, BE-7 và BYVK-07	26
51	CÔNG TY BREMER	BM-14	11
52	CÔNG TY BASF AKTIENGESELLSCHAFT	BASF-38	27
53	CÔNG TY DEGUSSA HULS AG	DGSG-4 và DAB-5	5
54	CÔNG TY LOHMANN ANIMAL HEALTH	LAH-10	10
55	CÔNG TY MIAVIT_NIEMEYER GmbH & Co.KG	MVI-1	1
56	CÔNG TY ROTEX MEDICA GMBH	RTM-1	1
57	CÔNG TY KAIMIGHT CHEMICAL AND PHARMACEUTICAL	KCPT-11	10
58	CÔNG TY XVET GmbH	XVE-5	5

TT	Nhà sản xuất	Số đăng ký cuối cùng	Tổng số sản phẩm
	NEITHERLAND		
59	CÔNG TY AKZONOBEL CHEMICALS B.V	ANC-3	3
60	CÔNG TY DUTCHFARM VETERINARY PHARMACEUTICALS B.V	DUTCH-28	25
61	CÔNG TY EUROVET ANIMAL HEALTH B.V	ERV-24	19
62	CÔNG TY INTERVET	IT-153	37
63	CÔNG TY INTERCHEME WERKEN "DE ADELAAR" B.V	ICW-76	68
64	CÔNG TY KEPRO B.V	KEPRO-16	16
65	CÔNG TY ALFASAN INTERNATION B.V	AFSI-13	11
66	CÔNG TY POLYMIX B.V	PLM-9	4
67	CÔNG TY FRANKLIN PRODUCTS INTERNATIONAL	FKH-5	2
68	CÔNG TY VETIMEX ANIMAL HEALTH B.V	VTMH-1	1
69	CÔNG TY TESGOFARM B.V	BMN-3	1
70	CÔNG TY PANTEX B.V	PH-7	7
	POLAND		
71	CÔNG TY VETOQUINOL-BIOWET PHARMACEUTICAL	BIOWET-4	4
	KOREA		
72	CÔNG TY CHOONG ANG BIOTECH	CAC-25	19
73	CÔNG TY DAE SUNG MICROBIOLOGICAL LABS.CO., LTD	DAS-25	19
74	CÔNG TY EAGLE CHEMICAL	EAG-25	16
75	CÔNG TY KOMIPHARM INTERNATIONAL Co., Ltd	KMB-26	19
76	CÔNG TY SAMYANG ANIPHARM	SPC-48	35
77	CÔNG TY YOONEE CHEMICAL	YCK-4	2
78	CÔNG TY NAMJON	NJK-3	3

TT	Nhà sản xuất	Số đăng ký cuối cùng	Tổng số sản phẩm
79	CÔNG TY SHINIL BIOGEN Co., LTD	SIL-30	24
80	CÔNG TY DEA HAN NEW PHARM	DHK-6	6
81	CÔNG TY GREEN GROSS VETERINARY PRODUCTS	GGVK-26	20
82	CÔNG TY SAMU MEDIAN	SAMU-24	19
83	CÔNG TY WOOGENE B&G	WG-11	11
84	CÔNG TY LG LIFE SCIENCES - KOFAVET SPECIAL INC	LGK-05	5
85	CÔNG TY CTC BIO INC	CTC-14	12
86	CÔNG TY DAONE CHEMICAL	DOC-12	12
87	CÔNG TY DONGBANG	DOB-15	12
88	CÔNG TY SF	SFK-3	3
89	CÔNG TY HANDONG	HDK-14	13
90	CÔNG TY Korea Biologicals eNvironmental Products Pharmaceuticals (KBNP)	KPN-6	4
91	CÔNG TY ELT Science Corporation	ELT-1	1
92	CÔNG TY UNIBIOTECH	UNI-5	5
93	CÔNG TY APS	APS-7	7
94	CÔNG TY Cheil Bio	CBC-12	12
	CZECH REPUBLIC		
95	CÔNG TY BIOVETA, A.S	BVTC-7	3
	INDONESIA		
96	CÔNG TY P.T.SURYA HYDUP SATWA	SHS-03	1
97	CÔNG TY P.T. MEDION	MDI-60	35
	MALAYSIA		
98	CÔNG TY Y.S.P INDUSTRIES (M) SDN. BHD	YSPM-51	42
99	CÔNG TY PHIBRO ANIMAL HEALTH	PBAM-04	4

TT	Nhà sản xuất	Số đăng ký cuối cùng	Tổng số sản phẩm
100	CÔNG TY SUNZEN CORPORATION SDN BHD	SZS-5	5
101	CÔNG TY NOVA LAB SHD.BHD	NOVA-11	11
102	CÔNG TY PAHANG PHARMACY SDN.BHD	PPM-8	7
	UNITED STATE OF AMERICA (USA)		
103	CÔNG TY ARCHER DANIELS MILDLAND (ADM)	ADM-3	3
104	CÔNG TY BIOPRODUCTS-INC	BPD-4	2
105	CÔNG TY ELANCO ANIMAL HEALTH	EC-24	23
106	CÔNG TY INTERNATIONAL NUTRITION	IN-43	24
107	CÔNG TY MED PHARMEX	MPM-4	4
108	CÔNG TY AGRIPHARM	RXV-8	5
109	CÔNG TY FORT DODGE ANIMAL HEALTH	SAH-18, FDA-20, SVI-1	5
110	CÔNG TY ALPHARMA	ALP-19	11
111	CÔNG TY ZOETIS	PFU-91	28
112	CÔNG TY AMERICAN VETERINARY LABORATORIES INC (A.V.L)	AVL-2	1
113	CÔNG TY NEPERA, INC	NPRU-1	1
114	CÔNG TY WESTERN YEAST COMPANY	WYU-1	1
115	CÔNG TY SCHERING-PLOUGH ANIMAL HEALTH CORPORATION	MKV-21	4
116	CÔNG TY AMECO- BIOS	ABU-4	1
	VENEZUELA		
117	CÔNG TY LABORATORIOS REVEEX DE VENEZUELA C.A.	LRV-05	4
	JAPAN		
118	CÔNG TY ASAHI VET JAPAN	ASA-3	3
119	CÔNG TY DAIICHI FINE CHEMICAL CO., LTD	FUJI-3	2

TT	Nhà sản xuất	Số đăng ký cuối cùng	Tổng số sản phẩm
120	CÔNG TY MEIJI SEIKA KAISHA	MJ-2	2
121	CÔNG TY SCIENTIFIC FEED LABORATORY	SS-5	2
122	CÔNG TY TAKEDA CHEMICAL INDUSTRIES	TKD-3	1
123	CÔNG TY KOHKIN CHEMICAL	KOC-1	1
124	CÔNG TY KAKEN PHARMACEUTICAL CO., LTD	KKP-1	1
125	CÔNG TY KURARAY CO., LTD	KRRJ-1	1
126	CÔNG TY KYORITSU SEIYAKU	KSC-3	2
	NEW ZEALAND		
127	CÔNG TY BOMAC LABORATORIES	BLL-14	7
	AUSTRALIA		
128	CÔNG TY JUROX Pty Limited	JPL-7	5
129	CÔNG TY TROY LABORATORIES PTY	TROY-3	2
	FRANCE		
130	CÔNG TY DOXAL	DA-7	3
131	CÔNG TY GUYOMARC'H - VCN	GUY-4	3
132	CÔNG TY MERIAL (RHÔNE MERLIEUX-RHÔNE POULENC)	MRA-216	42
133	CÔNG TY NOE SOCOPHARM	NOEF-12	11
134	CÔNG TY CEVASANTE ANIMALE	SNF-81	19
135	CÔNG TY VETOQUINOL	VQ-47	33
136	CÔNG TY VIRBAC	VB-63, AV-25	23
137	CÔNG TY ADISSEO	ADSF-90	28
138	CÔNG TY LABORATORIES BIOVÉ	BIOVE-24	18
139	CÔNG TY EVIALIS (FRANVET)	FRAN-6	5

TT	Nhà sản xuất	Số đăng ký cuối cùng	Tổng số sản phẩm
140	CÔNG TY LABORATOIRE BIARD	BA-19	11
141	CÔNG TY INOUKO GENERICS	ING-5	5
142	CÔNG TY COOPHAVET	COO-13	13
143	CÔNG TY QALIAN	LFR-2	2
	PAKISTAN		
144	CÔNG TY STAR LABORATORIES	SLP-8	8
145	CÔNG TY ALINA COMBINE PHARMACEUTICALS	ACP-7	7
	ITALY		
146	CÔNG TY ASCOR CHIMICI S.R.L (ITALY)	ACC-6	5
147	CÔNG TY GELILINI INTERNATIONAL S.R.L	GII-06	6
148	CÔNG TY SINTOFARM S.P.A	STFY-1	1
149	CÔNG TY CHEMIFARM S.P.A	CSI-6	6
150	CÔNG TY INDUSTRIA ITALIANA INTEGRATORI TREI S.P.A	IIT-1	1
	SINGAPORE		
151	CÔNG TY DIASHAM RESOURCES PTE	DSRS-7	7
152	CÔNG TY ZAGRO SINGAPORE PTE	ZEL-25	19
	SPAIN		
153	CÔNG TY CENAVISA S.A LABORATORIOS	CLS-13	12
154	CÔNG TY LABORATORIES HIPRA S.A	HP-46	18
155	CÔNG TY S.P VETERINARIA, S.A	SPV-31	26
156	CÔNG TY INVESTIGACIONES QUIMICAS Y FARMACEUTICALS	IQF-2	1
157	CÔNG TY TAV VETERINARIA S.L	TAV-15	14
158	CÔNG TY INVESA INTERNATIONAL S.A	IIS-34	30

TT	Nhà sản xuất	Số đăng ký cuối cùng	Tổng số sản phẩm
159	CÔNG TY MEVET, S.A	MV-1	1
160	CÔNG TY LABORATORIOS SYVA S.A	SYVAS-11	11
161	CÔNG TY LABORATORIOS CALIER, S.A	CALIER-21	16
162	CÔNG TY S.H.IBERICA S.A	PHIS-1	1
163	CÔNG TY DIVASA FARMMAVIC	DIVA-8	8
164	CÔNG TY LABORATORIOS MAYMO	LMM-4	4
165	CÔNG TY LABORATORIOS KARIZOO	LKS-1	1
166	CÔNG TY LABORATORIOS LAMONS S.A	LLS-8	6
167	CÔNG TY LABORATORIOS OVERJERO	LOS-2	2
	THAILAND		
168	CÔNG TY AJINOMOTO	AJN-1	1
169	CÔNG TY BETTER PHAMA	BP-42	36
170	CÔNG TY THAI MEIJI PHARMACETICAL CO., LTD	MJT-9	7
171	CÔNG TY THAI P.D CHEMICALS	THAI-9	7
172	CÔNG TY INTERTHAI PHARMACEUTICAL MANUFACTURING	THAI-5	2
173	CÔNG TY MACROPHAR	MCP-12	13
174	CÔNG TY OLIC	OLIC-01	1
175	CÔNG TY POLIPHARM	PLPT-01	1
176	CÔNG TY T.P. DRUG LABORATORIES	TPDT-7	7
177	CÔNG TY WELLAB INTERNATIONAL	WELL-3	3
178	CÔNG TY BANGKOK LAB AND COSMETIC CO, LTD	BAC-5	5
179	CÔNG TY THAI PROGRESS FEED	TPF-02	2
180	CÔNG TY THAINAOKA PHARMACEUTICAL LTD	BTP-22	22

TT	Nhà sản xuất	Số đăng ký cuối cùng	Tổng số sản phẩm
181	CÔNG TY ANIMAL SUPPLEMENTS	ASC-7	7
182	CÔNG TY GENERAL DRUGS HOUSE CO, LTD	GDH-7	5
183	CÔNG TY NUTRICHEMS	NCT-11	9
184	CÔNG TY NOVA MEDICINE	NMC-13	13
185	CÔNG TY L.B.S LABORATORY	LBS-10	8
186	CÔNG TY PHARMATECH	PHT-18	18
187	CÔNG TY Advance Pharma	APT-4	2
188	CÔNG TY Vesco Pharmaceutical	VPC-3	3
189	CÔNG TY The Medicpharma	MEP-3	3
	THỤY ĐIỂN (SWITZERLAND)		
190	CÔNG TY DR TEZZA S.R.L	AZN-01	1
	THỤY SỸ (SWISS)		
191	CÔNG TY FINALOR AG	HLR-33	23
192	CÔNG TY NOVARTIS CONSULTING AG	NVT-19; CGN-21; SD-6	26
	TURKEY		
193	CÔNG TY PROVET VETERINARY PRODUCTS	PVP-18	18
194	CÔNG TY VILSAN Veteriner Ilaclari Tic.San.A.S	VST-12	13
	ALGERIA		
195	CÔNG TY Algerian Animal Health Products Laborato	AAH-4	4
	CHINA		
196	CÔNG TY FUZHOU FUXIN PHARMACEUTICAL	FFPC-01	1
197	CÔNG TY ZHEJIANG NHU	ZN-5	5
198	CÔNG TY ZHUMADIAN HUAZHONG CHIA TAI CO.,	ZCT-2	2

TT	Nhà sản xuất	Số đăng ký cuối cùng	Tổng số sản phẩm
199	CÔNG TY ZHANJIAN BAOSHENGUANG PHARMACEUTICAL CO., LTD	ZBP-5	5
200	CÔNG TY HEBEI YUANZHENG PHARMACEUTICAL CO., LTD	HYP-9	9
201	CÔNG TY ZHEJIANG HISUN PHARMACEUTICAL CO., LTD	TKD-2	2
202	CÔNG TY HEBEI SHENGXUE DACHENG PHARMACEUTICAL CO., LTD	HSD-1	1
203	CÔNG TY ZHEJIANG APELOA KANGYUBIO PHARMACEUTICAL CO., LTD	ZAK-1	1
204	CÔNG TY PUCHENG LIFICOME BIOCHEMISTRY	PLB-2	2
205	CÔNG TY YANTAI LUYE ANIMAL HEALTH PRODUCTS	YLP-1	1
206	CÔNG TY HANGZHOU AN-T-MATE ANIMAL PHARMACEUTICAL	HAP-1	1
207	CÔNG TY AETHER CENTRE(BEIJING) BIOLOGY	ACB-5	5
208	CÔNG TY WEIFANG PREMIER ANIMAL PHARMACEUTICAL INDUSTRIES	WPA-3	3
	CHILÊ		
209	CÔNG TY LABORATORIO CENTROVET LTDA	LACE-6	5
	BULGARIA		
210	CÔNG TY BIOVET J.S.C	BB-11	15
	URUGUAY		
211	CÔNG TY LABORATORIOS CALIER DE URUGUAY, SA	CALIER-22	1
212	CÔNG TY LABORATORIOS MICROSULES URUGUAY S.A	LMU-3	3

(Xem tiếp Công báo số 385 + 386)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng